

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*V/v quản trị, kết quả hoạt động năm 2024
và kế hoạch hoạt động năm 2025*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (Điều lệ) và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Quy chế), Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024, Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty, tôi xin báo cáo kết quả hoạt động, công tác quản trị của HĐQT trong năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 với các nội dung như sau:

I. Tình hình hoạt động năm 2024:

1. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Tổng số cổ đông tại thời điểm chốt danh sách gần nhất (ngày 27/12/2024): 1.626, gồm 19 cổ đông pháp nhân và 1.607 cổ đông thể nhân.

Về cơ cấu cổ đông lớn nắm giữ trên 5% số lượng cổ phần và cổ đông nội bộ:

+ Tổng Công ty Phát điện 1 (EVNGENCO1):	Tỷ lệ 26,05%
+ Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC):	Tỷ lệ 19,30%
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG):	Tỷ lệ 11,78%
+ Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (ABBank):	Tỷ lệ 10,31%
+ Tổng công ty Điện lực dầu khí Việt Nam	Tỷ lệ 7,69%
+ VINACONEX:	Tỷ lệ 5,83%
+ Cổ đông nội bộ là thành viên HĐQT:	Tỷ lệ 0,29%

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024:

2.1 Điều chỉnh Kế hoạch 2024:

Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2024 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 về việc điều chỉnh kế hoạch năm 2024 trong trường hợp cổ tức chi trả từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 thay đổi so với giá trị dự kiến trong kế hoạch năm 2024 (sau khi có kết quả ĐHĐCĐ thường niên của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2).

Năm 2024, Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 đã chi trả cổ tức 2,5 triệu USD, tăng 125% so với kế hoạch (2 triệu USD). Do đó, Hội đồng quản trị Công ty

đã ban hành Nghị quyết số 57/NQ-EVNI ngày 26/9/2025 về việc thông qua điều chỉnh kế hoạch năm 2024 với các chỉ tiêu sau:

- Điều chỉnh tăng doanh thu từ 62.527.541.000 đồng thành 74.527.541.000 đồng tương ứng giá trị cổ tức tăng thêm (0,5 triệu USD).

- Điều chỉnh tăng phí chuyển tiền cổ tức từ HLSS2 về Việt Nam từ 27.152.566.000 đồng thành 28.832.566.000 đồng.

- Điều chỉnh tăng tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 tương ứng với mức tăng lợi nhuận cổ tức từ HLSS2 từ 10% lên 13%.

- Các chỉ tiêu khác không thay đổi theo kế hoạch năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2024 phê duyệt.

2.2 Kết quả SXKD năm 2024

Năm 2024, Công ty đã thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao, lợi nhuận thực hiện đạt 110% kế hoạch điều chỉnh theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐQT ngày 26/9/2024 của HĐQT EVNI. Đặc biệt là các nhiệm vụ: Theo dõi, quản lý nhằm bảo toàn phần vốn góp tại Dự án thủy điện Hạ Sê San 2, giá trị cổ tức từ dự án là 2,5 triệu USD đưa giá trị lũy kế lên 409,124 tỷ đồng, đạt 177% giá trị đầu tư vào dự án; Triển khai tìm kiếm các công việc mới phù hợp với năng lực để tăng nguồn thu, giải quyết công ăn việc làm cho CBCNV; Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức đảm bảo các hoạt động SXKD của Công ty.

Hoạt động dịch vụ tư vấn luôn được quan tâm, đầu tư để góp phần tăng doanh thu Công ty, tăng thu nhập cho CBCNV và lợi ích cho Cổ đông.

Về mục tiêu tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án đối với các dự án Sê Kong, Nậm Mô 1 và Hạ Sê San 1/5 vẫn chưa có kết quả, do nguyên nhân khách quan như: (i) Dự án đã hết hiệu lực MOU; (ii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án, tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường và đầu ra giá bán điện của dự án nên chưa đủ thuyết phục các đối tác để hợp tác đầu tư hoặc chuyển giao dự án trong thời điểm hiện tại.

Kết thúc năm 2024, Công ty đã đảm bảo mức tăng trưởng về quy mô, doanh thu, lợi nhuận là nhờ sự năng động của Ban lãnh đạo Công ty và sự đoàn kết, nỗ lực cố gắng của tập thể HĐQT, Ban điều hành và CBCNV Công ty.

- Tổng doanh thu:	79,043 tỷ đồng	đạt 106% kế hoạch
- Nộp ngân sách nhà nước:	1,089 tỷ đồng	
- Lợi nhuận:	50,483 tỷ đồng,	đạt 110% kế hoạch
- Tỷ lệ cổ tức:	13%	đạt 100% kế hoạch

3. Hoạt động của HĐQT năm 2024:

3.1. Cơ cấu nhân sự của HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách, 01 thành viên là Tổng Giám đốc, 03 thành viên còn lại đều làm việc theo chế độ không chuyên trách. Trong năm HĐQT đã tổ chức họp định kỳ 01 quý/1

lần theo quy định để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền và các cuộc họp đột xuất khác để giải quyết những công việc cấp bách, HĐQT mời Ban Kiểm soát Công ty tham dự tất cả các cuộc họp. Vì vậy công tác chỉ đạo, quản lý điều hành được thực hiện nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

Thông tin các thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ nắm giữ CP		Ghi chú
				Đại diện	Sở hữu	
1	Trương Quang Minh	Chủ tịch HĐQT	23/06/2023	15,63%	0,29%	EVNGENCO1
2	Lê Vũ Ninh	Thành viên HĐQT. Tổng Giám đốc	23/06/2023	10,42%	-	EVNGENCO1
3	Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	23/06/2023	19,30%	-	PPC
4	Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	23/06/2023	10,31%	-	ABBank
5	Lê Duy Thanh	Thành viên HĐQT	23/06/2023	11,78%	-	VRG

3.2. Hoạt động của các thành viên HĐQT:

Trong năm 2024, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, thực hiện nhiệm vụ của mình trong năm 2024 theo đúng chức năng, nhiệm vụ công việc được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, phù hợp với định hướng chiến lược, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển chung của Công ty. Các cuộc họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT. Vì vậy, công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

a. Ông Trương Quang Minh – Chủ tịch HĐQT:

- Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;
- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- Lãnh vực chiến lược, quy hoạch, công tác tổ chức nhân sự, việc xây dựng các Quy chế quản lý nội bộ;
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê san 2: Giám sát và quản lý phần vốn góp tại dự án Thủy điện Hạ Sê San 2;
- Thực hiện công tác khác không phân công cho các thành viên HĐQT.

b. Ông Lê Vũ Ninh – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc:

- Điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo chức trách nhiệm vụ Tổng Giám đốc.
- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện về chế độ, chính sách đối với người lao động về tiền lương, đóng bảo hiểm,...;
- Chỉ đạo, đề xuất kiện toàn bộ máy nhân sự; quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.
- Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.
- c. **Bà Nguyễn Thị Hương – Thành viên HĐQT:**
 - Quản lý vốn và đầu tư vốn;
 - Phương án phân phối lợi nhuận,
 - Lĩnh vực tài chính, kiểm toán nội bộ, giám sát;
 - Quản trị rủi ro;
 - Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT
- d. **Ông Nguyễn Quang Huy – Thành viên HĐQT**
 - Công tác tài chính kế toán và hạch toán kế toán;
 - Phụ trách công tác đầu thầu;
 - Kiểm soát các Hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền ĐHCĐ/HĐQT phê duyệt;
 - Giám sát hoạt động đầu tư xây dựng;
 - Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.
- a. **Ông Lê Duy Thanh – Thành viên HĐQT**
 - Lĩnh vực chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn.
 - Công tác hợp tác quốc tế;
 - Cơ hội đầu tư, việc làm.
 - Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT

3.3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHCĐ và HĐQT giao; giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT, các quy chế quản trị, quy chế tài chính và các quy chế khác của Công ty, từ đó có những biện pháp kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm khi phát hiện sai sót. Cụ thể như sau:

a. Phương pháp giám sát:

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty thông qua các cuộc họp HĐQT và qua trao đổi bằng các phương tiện thông tin liên lạc phù hợp. Các quyết định, các hoạt động, điều hành của Ban điều hành đã được HĐQT thường xuyên chỉ đạo, trao đổi Ban điều hành để đưa ra các giải pháp, phương án thực hiện phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu SXKD đã được ĐHCĐ thông qua.

- HĐQT và BKS đánh giá tính khả thi của các kế hoạch hành động và các khuyến nghị, qua đó kiến nghị các giải pháp mang tính thực tiễn và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

- HĐQT ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu đề thông qua kết quả hoạt động và những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

- HĐQT cung cấp các hướng dẫn chiến lược, tình hình kinh tế tổng quan để hỗ trợ rà soát các kế hoạch kinh doanh tiếp theo.

- HĐQT thường xuyên trao đổi với Ban Giám đốc nhằm giám sát việc triển khai kế hoạch và điều chỉnh khi cần thiết, giúp đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra.

b. Kết quả giám sát:

- Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, cũng như Điều lệ, Quy chế của Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ điều hành SXKD, báo cáo kịp thời các nội dung và trình HĐQT Công ty xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nội dung Nghị quyết của HĐQT. Kết quả đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

- Ban điều hành đã tổ chức thực hiện đúng quy định về việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phúc lợi, phụ cấp và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý Công ty.

- Ban điều hành đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động SXKD cho các cổ đông và cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Ban Điều hành đã duy trì giao ban hàng tháng để có những chỉ đạo sát, điều hành sát sao và kịp thời để có những giải pháp thực hiện hoàn thành các mục tiêu cụ thể, tổng thể trong từng tháng.

3.4. Đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty:

a. Kết quả đạt được:

HĐQT đã thực hiện công tác quản lý Công ty theo quy định Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của Pháp luật nên mọi hoạt động của HĐQT Công ty đến Ban điều hành luôn được thực hiện thông suốt, kịp thời và hiệu quả. Các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo trong mọi mặt hoạt động Công ty, vì sự phát triển của Công ty và lợi ích cổ đông.

Hội đồng quản trị đã xem xét thông qua sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý chi tiêu, Quy chế đầu thầu phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế mô hình hoạt động của Công ty.

HDQT đã tổ chức 05 phiên họp định kỳ, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HDQT; ban hành 20 Nghị quyết và 23 Quyết định để Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2024.

Các cuộc họp HDQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Các phiên họp HDQT đều mời Ban kiểm soát tham dự. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các Thành viên HDQT, BKS dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung cuộc họp được các Thành viên HDQT trao đổi, thảo luận, bàn bạc công khai, dân chủ, thẳng thắn và đánh giá đầy đủ, cân trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

Các quyết định của HDQT tại các cuộc họp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua. Biên bản các cuộc họp HDQT đã được lập đầy đủ, có chữ ký của các Thành viên HDQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định pháp luật.

Chi tiết về các cuộc họp, nghị quyết và quyết định của HDQT được thống kê như Phụ lục 1 đính kèm.

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Đối với các dự án thủy điện Sê Kông; Hạ Sê San 1/Sê San 5 (Campuchia) và thủy điện Năm Mô 1 (Lào):

- Việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn do:

(i) Các dự án đã hết hiệu lực MoU; (ii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án khó thu hút nhà đầu tư trong nước; (iii) Tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường; (iv) Đầu ra giá bán điện của dự án; (v) Ngoài ra, đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 còn một số khó khăn như: Chính phủ Việt Nam chưa đồng ý bổ sung dự án vào Quy hoạch bậc thang thủy điện sông Sê San; vấn đề môi trường, an ninh quốc phòng khu vực biên giới; vấn đề phân chia nguồn lợi tài nguyên nước; phát sinh nhiều thủ tục đầu tư do dự án cần có sự chấp thuận của Chính phủ hai nước Việt Nam và Campuchia; (vi) mặt khác hiện tại do chủ trương tại nước sở tại không đồng ý bán điện 50% về Việt Nam và dự án đã đưa ra khỏi Quy hoạch điện VII điều chỉnh (theo QĐ428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016). Do đó việc tiếp tục thực hiện các dự án trên trong thời gian đến sẽ gặp nhiều khó khăn và không khả thi.

3.5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2024:

- Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua nội dung quyết toán thù lao HDQT, BKS năm 2024 như Tờ trình số 10/TTr-HDQT ngày 10/04/2025. Cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/tiền lương tháng KH (đồng)	Thù lao/tiền lương KH năm 2024 (đồng)	Quyết toán thù lao/tiền lương năm 2024 (đồng)	Tiền thưởng và các lợi ích khác chi năm 2024 (đồng)
I	Thành viên chuyên trách					

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/tiền lương tháng KH (đồng)	Thù lao/tiền lương KH năm 2024 (đồng)	Quyết toán thù lao/tiền lương năm 2024 (đồng)	Tiền thưởng và các lợi ích khác chi năm 2024 (đồng)
1	Trương Quang Minh	Chủ tịch HĐQT	27.838.000	334.056.000	400.872.000	355.509.000
2	Lê Vũ Ninh	Tổng giám đốc	26.807.000	321.684.000	386.016.000	316.352.000
	Tổng cộng			655.740.000	786.888.000	671.861.000
II Thành viên kiêm nhiệm						
1	Nguyễn Quang Huy	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	4.743.000	56.916.000	68.304.000	10.943.000
2	Nguyễn Thị Hương	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	4.743.000	56.916.000	68.304.000	10.943.000
3	Lê Duy Thanh	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	4.743.000	56.916.000	68.304.000	10.943.000
4	Đỗ Quang Minh	Trưởng BKS	4.743.000	56.916.000	68.304.000	5.715.000
5	Nguyễn Thị Huyền	TV BKS	3.794.000	45.528.000	54.636.000	8.811.000
6	Vũ Hương Trà	TV BKS	3.794.000	45.528.000	54.636.000	8.811.000
	Tổng cộng:			318.720.000	382.488.000	56.166.000

- Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 được thực hiện thanh toán theo các quy định nội bộ của Công ty. Trong năm 2024, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị (chi phí đi lại, lưu trú...) là 370 triệu đồng.

II. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025:

HĐQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban điều hành Công ty, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa hiệu quả đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đảm bảo an toàn tài chính, minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định.

Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục rà soát để đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và tình hình hoạt động thực tiễn tại đơn vị.

Nghiên cứu tìm kiếm cơ hội đầu tư phù hợp với xu thế phát triển Công ty một cách ổn định và bền vững.

Nâng cao đời sống, phúc lợi và tạo điều kiện bảo vệ sức khỏe, an toàn lao động cho Người lao động chính là mục đích thiết thực để nâng cao năng suất lao động, tạo ra môi trường làm việc hấp dẫn, đảm bảo thu hút nguồn nhân lực.

HĐQT tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, cùng Ban điều hành Công ty giải quyết linh hoạt, hiệu quả, phù hợp quy định; thực hiện các giải pháp trong hoạt động SXKD, tiết kiệm chống lãng phí để đảm bảo đạt/vượt chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHCĐ giao trong năm 2025.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về các hoạt động trong năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Báo cáo này thay thế Báo cáo số 21/BC-HĐQT ngày 23/4/2024.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu: VT, TH, HĐQT.

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trương Quang Minh

PHỤ LỤC 1 – THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP, NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

* Thống kê các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trương Quang Minh	05	100%	
2	Ông Lê Vũ Ninh	05	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Hương	05	100%	
4	Ông Lê Duy Thanh	05	100%	
5	Ông Nguyễn Quang Huy	05	100%	

* Thống kê các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
NGHỊ QUYẾT HĐQT 2024			
1.	08/NQ-HĐQT	13/3/2024	Thông qua sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý chi tiêu áp dụng trong EVNI
2.	09/NQ-HĐQT	13/3/2024	Thông qua điều chỉnh kế hoạch năm 2023 của EVNI
3.	13/NQ-HĐQT	20/3/2024	Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế công tác cán bộ EVNI
4.	10/NQ-HĐQT	13/3/2024	Thông nhất gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 chậm nhất đến ngày 30/6/2024
5.	12/NQ-HĐQT	14/3/2024	Thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023
6.	16/NQ-HĐQT	22/4/2024	Thông nhất tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 vào ngày 23/5/2024
7.	24/NQ-HĐQT	06/5/2024	Thông qua các nội dung họp HĐQT phiên I năm 2021
8.	30/NQ-HĐQT	24/5/2024	Thông qua chủ trương và dự toán mua sắm xe ô tô
9.	31/NQ-HĐQT	24/5/2024	Thông nhất thanh toán cổ tức bằng tiền mặt năm 2023
10.	38/NQ-HĐQT	10/6/2024	Thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm xe ô tô phụ cụ công tác của Công ty

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
11.	45/NQ-HĐQT	24/6/2024	Thông qua E HSMT gói thầu mua sắm xe ô tô phục vụ công tác của Công ty
12.	52/NQ-HĐQT	06/8/2024	Thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm xe ô tô phục vụ công tác Công ty
13.	56/NQ-HĐQT	26/9/2024	Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024
14.	57/NQ-HĐQT	26/9/2024	Thông qua điều chỉnh kế hoạch năm 2024
15.	58/NQ-HĐQT	26/9/2024	Thông qua chủ trương ký kết và thực hiện hợp đồng giao dịch giữa EVNI và người có liên quan
16.	59/NQ-HĐQT	26/9/2024	Thông qua Quy chế công bố thông tin
17.	66/NQ-HĐQT	06/11/2024	Sửa đổi bổ sung Quy chế về công tác đấu thầu áp dụng trong EVNI
18.	70/NQ-HĐQT	05/12/2024	Tạm phê duyệt kế hoạch năm 2025
19.	71/NQ-HĐQT	05/12/2024	Sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý chi tiêu EVNI
20.	72/NQ-HĐQT	05/12/2024	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2024
QUYẾT ĐỊNH HĐQT 2024			
1.	07/QĐ-HĐQT	11/3/2024	Cử cán bộ tham quan, giao lưu trao đổi kinh nghiệm tại Nhật bản năm 2023 (bổ sung)
2.	13/QĐ-HĐQT	26/3/2024	Ban hành Quy chế quản lý chi tiêu áp dụng trong EVNI
3.	08/QĐ-HĐQT	06/3/2023	Cử cán bộ đi tham quan, giao lưu trao đổi kinh nghiệm tại Nhật Bản năm 2023
4.	33/QĐ-HĐQT	27/5/2024	Thành lập tổ chuyên gia đấu thầu gói thầu – mua sắm xe ô tô phục vụ công tác của Công ty
5.	34/QĐ-HĐQT	27/5/2024	Thành lập tổ thẩm định về kế hoạch lựa chọn nhà thầu nội dung Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác Công ty
6.	35/QĐ-HĐQT	27/5/2024	Thành lập tổ thẩm định E – HSMT và KQLCNT gói thầu Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác Công ty
7.	37/QĐ-HĐQT	06/6/2024	Chi tiền thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty năm 2023

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
8.	39/QĐ-HĐQT	10/6/2024	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác của Công ty
9.	40/ QĐ-HĐQT	11/6/2024	Thành lập Tổ thẩm định về kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của EVNI
10.	43/QĐ-HĐQT	21/6/2024	Phê duyệt dự toán chi phí Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của EVNI
11.	44/QĐ-HĐQT	21/6/2024	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của EVNI
12.	46/QĐ-HĐQT	24/6/2024	Phê duyệt E HDMT gói thầu Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác của Công ty
13.	53/QĐ-HĐQT	06/8/2024	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu “Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác của Công ty”
14.	54/QĐ-HĐQT	08/8/2024	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
15.	60/QĐ-HĐQT	26/9/2024	Ban hành Quy chế công bố thông tin
16.	61/QĐ-HĐQT	26/9/2024	Điều chỉnh kế hoạch năm 2024
17.	63/QĐ-HĐQT	14/10/2024	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài (Trung Quốc)
18.	67/QĐ-HĐQT	06/11/2024	Ban hành Quy chế đấu thầu áp dụng trong EVNI
19.	68/QĐ-HĐQT	18/10/2024	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài (Campuchia)
20.	69/QĐ-HĐQT	29/11/2024	Chi tiền thưởng Ban điều hành Công ty năm 2024
21.	73/QĐ-HĐQT	05/12/2024	Ban hành Quy chế quản lý chi tiêu tại EVNI
22.	74/QĐ-HĐQT	05/12/2024	Tạm phê duyệt kế hoạch năm 2025
23.	76/QĐ-HĐQT	30/12/2024	Khen thưởng cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024 VÀ
KẾ HOẠCH NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch thực hiện SXKD năm 2025 như sau:

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

I. Tình hình thực hiện:

1. Công tác Quản lý dự án:

*** Dự án thủy điện Hạ Sê San 2:**

- Về sản xuất điện: Đến 31/12/2024, nhà máy phát điện hòa lưới 1.771 triệu kWh đạt 97,2% kế hoạch năm 2024 và đạt 89% cùng kỳ năm 2023; sản lượng điện sản xuất lũy kế đạt 12,29 tỷ kWh.

- Phân phối lợi nhuận: HLSS2 đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận hàng năm từ năm 2020. Trong năm 2024, HLSS2 đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận cho EVNI từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2023 với giá trị là 2,5 triệu USD. Đến nay, tổng giá trị cổ tức EVNI nhận được từ dự án lũy kế đến 31/12/2024 là 17,458 triệu USD tương đương 409,124 tỷ đồng (đạt 177% giá trị vốn EVNI đã đầu tư vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2).

*** Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Se San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:**

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án: Công ty đã nỗ lực tìm kiếm đối tác nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn.

- Về phương án xử lý tài chính:

+ Nhóm người đại diện EVNGENCO1 tại EVNI đã trình chủ sở hữu đề xuất chấm dứt hoạt động đầu tư các dự án.

+ Ban điều hành sẽ trình HĐQT phương án xử lý tài chính sau khi chủ sở hữu có ý kiến chỉ đạo.

2. Công tác Tư vấn giám sát:

Trong năm 2024, Công ty tổ chức thực hiện dịch vụ TVGS cho 22 gói thầu với giá trị 17,30 tỷ đồng (04 gói thầu đấu thầu mới năm 2024 và 18 gói thầu chuyển tiếp các năm trước). Trong đó, Công ty đã cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát cho công trình trọng điểm Quốc gia - dự án đường dây 500kV mạch 3 (*giám sát các gói thầu: ĐZ500kV Quỳnh Lưu – Thanh Hoá; lắp MBA 500kV tại TBA 500kV Thanh Hoá; kháng điện 500kV tại TBA 500kV Thanh Hóa và TBA 500kV Phố Nối; NCS TBA*

220kV Nông Cống) và góp phần cho sự thành công dự án hoàn thành đúng tiến độ.

* Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán:

Công ty đã xây dựng kế hoạch, chủ động thực hiện nghiệm thu thanh toán và quyết toán kịp thời các gói thầu/dự án hoàn thành, đáp ứng quy định của hợp đồng để tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Đã hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thanh toán/quyết toán 18 gói thầu (bao gồm đã hoàn thành và đang thực hiện dở dang), với giá trị đã nghiệm thu thanh toán là **9,97 tỷ đồng** (giá trị trước thuế) đạt **98%** kế hoạch năm 2024.

* Công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm:

Công ty đã trúng thầu **07 gói thầu** TVGS (NCS TBA 220kV Nông Cống; ĐZ 500kV Quỳnh Lưu - Thanh Hoá; lắp MBA 500kV tại TBA 500kV Thanh Hoá; kháng điện 500kV tại TBA 500kV Thanh Hóa và TBA 500kV Phố Nối; NCS TBA 220kV Hà Tĩnh; TBA 220kV Chân Mây và đấu nối; TBA 220kV Sầm Sơn và đấu nối), với tổng giá trị: **17,29 tỷ đồng** (trước thuế VAT) đạt vượt mục tiêu kế hoạch đặt ra.

* Công tác thu hồi công nợ đối với hoạt động dịch vụ:

Trong năm 2024, Công ty đã tích cực làm việc, đôn đốc các Chủ đầu tư thanh toán công nợ và đã thu hồi (bao gồm khoản tạm ứng) được **10,93 tỷ đồng**. Đến 31/12/2024, Số dư công nợ phải thu là 6,2 tỷ đồng (trong đó số công nợ giữ lại 5% theo Hợp đồng là 1,3 tỷ đồng).

3. Công tác quản trị, văn phòng:

- Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt với 03 Phòng chức năng, biên chế nhân sự 32 người; thực hiện sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2024 nhằm tối ưu hóa chi phí.

- Rà soát, sửa đổi bổ sung kịp thời và quán triệt, tổ chức thực hiện tuân thủ các Quy chế, Quy định và Quy trình quản lý nội bộ của Công ty.

- Công tác công bố thông tin được thực hiện kịp thời và đúng quy định (BCTC, Báo cáo quản trị, Báo cáo thường niên...).

- Công tác quản lý vốn, tài chính:

+ Quản lý chi phí hoạt động chặt chẽ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD. Qua đó, đã tiết kiệm chi phí hoạt động 515 triệu đồng, tương ứng 4,4% so với kế hoạch năm 2024 và tương ứng 10,1% chi phí (trừ lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp cho người lao động theo quy định).

+ Thường xuyên, chủ động kiểm soát, cân đối dòng tiền để có phương án gửi tiền có kỳ hạn phù hợp. Qua đó, làm tăng doanh thu hoạt động tài chính từ hoạt động gửi tiết kiệm 2,63 tỷ đồng.

+ Tình hình tài chính của Công ty được duy trì an toàn và ổn định, công tác thanh toán được thực hiện đúng quy định.

+ Các chỉ tiêu tài chính luôn đảm bảo, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển: Nợ phải trả/VCSH (<1); Mức độ bảo toàn vốn (≥ 1); Khả năng thanh toán ngắn

hạn (>3).

- Công tác nghiệm thu thanh quyết toán:

- + Chủ động xây dựng kế hoạch nghiệm thu thanh quyết toán để đơn đốc các đơn vị thi công nghiệm thu khối lượng đã thực hiện, làm cơ sở để EVNI nghiệm thu thanh quyết toán chi phí TVGS.

- + Thực hiện nghiệm thu, thanh quyết toán kịp thời giá trị Hợp đồng các gói thầu do Công ty cung cấp dịch vụ Tư vấn.

- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2024;

- Duy trì dịch vụ cho thuê đất, văn phòng, nhà để xe và hiện nay đã khai thác tối ưu các khu vực công năng đủ điều kiện cho thuê của Trụ sở Công ty: 10 đơn vị thuê văn phòng 61,3 triệu đồng/1 tháng; 02 đơn vị thuê đất 26,7 triệu đồng/1 tháng (tổng cộng: 88,0 triệu/1 tháng, tương ứng 1,05 tỷ/1 năm).

- Kien toàn bộ máy nhân sự phù hợp đảm bảo công tác quản lý các dự án và duy trì năng lực thực hiện TVGS các gói thầu chuyên ngành điện lực (cấp mới giấy phép hoạt động điện lực và giấy phép hoạt động dịch vụ tư vấn giám sát PCCC, cấp lại chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát cho CBGS). Tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động đảm bảo đạt lợi nhuận tối thiểu 15% từ công tác TVQLDA, TVGS.

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 10% và tạm ứng cổ tức năm 2024 với tổng tỷ lệ 13%.

- Thực hiện rà soát, ban hành mới cũng như sửa đổi bổ sung một số quy chế quản lý nội bộ nhằm hoàn thiện hệ thống quy chế áp dụng tại đơn vị như Quy chế đấu thầu; Quy chế quản lý chi tiêu; Quy chế công bố thông tin... Ban hành các hướng dẫn, quy định nội bộ liên quan công tác đấu thầu.

- Trang bị mới xe ô tô 7 chỗ phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.

- Trong năm 2024, Công ty không có tồn tại nào liên quan các biên bản thanh tra, kiểm tra.

4. Công tác lao động, tiền lương và đào tạo:

- Lao động:

Tổng số lượng CBNV Công ty đến 31/12/2024 là 32 người.

- Tiền lương: thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2024 đạt 16,6 triệu đồng/tháng.

- Đào tạo: Tổ chức và tạo điều kiện để cán bộ tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, các lớp đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn.

- + Bố trí 32 cán bộ tham gia lớp an toàn vệ sinh lao động và huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy tại chỗ.

- + Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ công tác tư vấn giám sát PCCC.

5. Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động:

- Quan tâm, tạo điều kiện và tích cực tham gia thực hiện tốt công tác an sinh

xã hội như: hiến máu nhân đạo, ủng hộ nhân dân các tỉnh bị ảnh hưởng trong các đợt mưa lũ; thăm hỏi người có công với cách mạng nhân ngày thương binh liệt sỹ; ...

- Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn thực hiện tuyên truyền, vận động người lao động tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua tạo khí thế trong lao động sản xuất, bảo đảm đời sống, việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ chính sách với người lao động như: 100% CBCNV được đóng BHXH, BHYT, BHTN, TNLĐ và bảo hiểm sức khỏe; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, riêng đối với lao động nữ 01 năm được khám 02 lần.

- Tổ chức ngày hội gia đình cho CBCNV Công ty và người thân.

- Tổ chức tham quan, học tập và nghỉ mát cho CBCNV tại Trung Quốc.

6. Kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị:

Năm 2024, mặc dù gặp không ít khó khăn, thách thức như:

(i) Cổ tức từ dự án Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) còn thấp do HLSS2 cân đối dòng tiền để trả nợ gốc + lãi vốn vay Ngân hàng và dự phòng vốn lưu động cho hoạt động SXKD.

(ii) Tỷ lệ sở hữu vốn của EVNI tại HLSS2 thấp (10%) nên Người đại diện không chủ động được trong việc quyết định tỷ lệ và thời gian phân phối cổ tức.

(iii) Việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/5, Sê Kông và Nậm Mô 1 vẫn chưa có kết quả.

(iv) Công tác Tư vấn: Doanh thu, lợi nhuận hoạt động dịch vụ Tư vấn còn hạn chế.

Tuy nhiên, tập thể người lao động Công ty đã cố gắng khắc phục khó khăn, tìm biện pháp nhằm đảm bảo điều hành có hiệu quả hoạt động và vượt kế hoạch đề ra của đơn vị; Kết quả đạt được cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch điều chỉnh năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH 2024/ KH 2024 ĐC
A	Kế hoạch nguồn thu	62.527.541.000	74.527.541.000	79.043.018.366	106%
A.1	Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty	14.527.541.000	14.527.541.000	17.003.503.062	117%
I	Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính, cho thuê đất và văn phòng Công ty	4.265.000.000	4.265.000.000	7.037.967.378	
I	Doanh thu từ hoạt động tài chính	3.365.000.000	3.365.000.000	5.991.849.741	

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch điều chỉnh năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH 2024/ KH 2024 ĐC
2	<i>Doanh thu từ cho thuê đất và văn phòng của Công ty, khác</i>	900.000.000	900.000.000	1.046.117.637	
II	Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát...)	10.262.541.000	10.262.541.000	9.965.535.684	
A.2	<i>Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2</i>	48.000.000.000	60.000.000.000	62.039.515.304	103%
B	Kế hoạch chi phí hoạt động	27.152.566.000	28.832.566.000	28.560.012.973	99%
B.1	<i>Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty</i>	11.709.566.000	11.709.566.000	11.247.351.878	96%
1	<i>Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty</i>	11.269.566.000	11.269.566.000	10.886.992.846	
2	<i>Chi phí khấu hao TSCĐ, nhà làm việc/văn phòng cho thuê</i>	440.000.000	440.000.000	360.359.032	
B.2	<i>Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, Giám sát...)</i>	8.723.000.000	8.723.000.000	8.500.052.411	97%
B.3	<i>Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam</i>	6.720.000.000	8.400.000.000	8.812.608.684	105%
C	Kế hoạch lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế	35.374.975.000	45.694.975.000	50.483.005.393	110%
2	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	10	13,0	13	
3	Lợi nhuận phân phối cho cổ đông	36.677.145.000	47.680.288.500	47.680.288.500	100%
D	Kế hoạch chi mua sắm mới				
1	Mua ô tô	1.600.000.000	1.600.000.000	1.559.720.344	97%

II. Các khó khăn, tồn tại và hạn chế:

1. Về đầu tư:

a. Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2:

- Tỷ lệ sở hữu vốn của EVNI tại Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) thấp (10%) nên Người đại diện khó chủ động trong việc kiểm soát các quyết định trong ĐHĐCĐ của HLSS2.

- HLSS2 chỉ trả cổ tức còn thấp do phải cân đối dòng tiền để trả nợ gốc + lãi vốn vay Ngân hàng và dự phòng vốn lưu động cho hoạt động SXKD.

b. Đối với các dự án thủy điện Sê Kông; Hạ Sê San 1/Sê San 5 (Campuchia) và thủy điện Nam Mô 1 (Lào):

Việc kiểm soát tác động chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, đề xuất phương án xử lý tài chính của nhóm Người đại diện phần vốn của EVNGENCO1 tại EVNI chưa có ý kiến chỉ đạo về chủ trương của chủ sở hữu.

2. Công tác Tư vấn:

- Sự cạnh tranh của các đơn vị cùng lĩnh vực ngày càng lớn (số lượng dự án ngày càng giảm nhưng số lượng nhà thầu tham gia tăng) và ảnh hưởng từ việc đấu thầu cạnh tranh (ngày càng có nhiều đơn vị TVGS ngoài ngành điện tham đấu thầu các dự án ngành điện và giảm giá mạnh để đạt mục đích trúng thầu xây dựng HSNL...).

- Các dự án truyền tải điện trong ngành điện, chủ đầu tư/ban quản lý dự án thực hiện chủ trương tự thực hiện, không lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát đối với các công trình Trạm biến áp.

- Cơ cấu cổ đông của EVNI có một số đơn vị Tư vấn trong ngành điện nên theo luật đấu thầu hiện hành, EVNI bị hạn chế tham gia đấu thầu đối với gói thầu do các đơn vị Tư vấn này lập HSMT.

- Doanh thu dịch vụ Tư vấn đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời) giảm mạnh từ năm 2022 do hiện nay chưa có cơ chế, chính sách phát triển nguồn nên các Chủ đầu tư chưa triển khai các dự án đầu tư mới.

- Lợi nhuận từ hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát giảm do các yếu tố bên ngoài như:

+ Công tác đền bù giải phóng mặt bằng các dự án nguồn và lưới điện gặp nhiều khó khăn, thường bị chậm trễ, kéo dài ảnh hưởng lớn đến tiến độ hoàn thành dự án (như dự án Nhánh rẽ 220kV đầu nối vào TBA 220kV Krông Ana: 4 năm; Đường dây 220kV Nha Trang – Tháp Chàm: ~6 năm; TBA 220kV Vũng Áng và đầu nối: ~3 năm; Đường dây 220kV Thanh Mỹ - Duy Xuyên: ~2 năm; Đường dây 220kV Tương Dương – Đô Lương: ~2 năm...) làm kéo dài thời gian thực hiện công tác TVGS. Tuy nhiên, khi mời thầu Chủ đầu tư đã đưa ra yêu cầu về tiến độ “phù hợp với tiến độ xây lắp” nên các chi phí phát sinh do kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng không được Chủ đầu tư xem xét.

+ Một số dự án trong quá trình triển khai phải điều chỉnh lại hướng tuyến do vướng quy hoạch, hiệu chỉnh lại thiết kế để phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất làm kéo dài tiến độ thực hiện.

+ Năng lực, kinh nghiệm của một số đơn vị thi công xây lắp còn hạn chế dẫn đến tiến độ thi công kéo dài.

B. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025:

Năm 2025, Công ty cổ phần EVN Quốc tế tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trọng

tâm như (i) Quản lý phần vốn đã góp vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2; (ii) Thực hiện các giải pháp về chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư đối với các dự án thủy điện đầu tư dở dang tại Campuchia và Lào; và báo cáo đề xuất HĐQT/ĐHĐCĐ phương án chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, quyết toán và xử lý tài chính sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền; (iii) Thực hiện công tác Tư vấn giám sát đảm bảo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, cụ thể:

1. Về quản lý đầu tư:

1.1 Đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 2:

- Thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) trên cơ sở pháp luật Campuchia, Hợp đồng cổ đông và theo nguyên tắc bảo toàn phần vốn đã góp.

- Quản lý, theo dõi chặt chẽ tình hình SXKD của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2, đơn đốc HLSS2 thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 vận hành an toàn, ổn định và hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025.

- Phối hợp với các Cổ đông khác, đơn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2024 trong năm 2025.

- Hoàn thiện thủ tục xin giảm thuế cổ tức từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 từ 14% xuống 10% theo Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần giữa Việt Nam – Campuchia.

1.2 Đối với các dự án thủy điện như Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:

Hoạt động đầu tư thủy điện như Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1 được nhấn mạnh trên BCTC 2024 tại khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang”. Do đó, Công ty sẽ triển khai thực hiện đồng thời các giải pháp để khắc phục tồn tại này cụ thể:

1.2.1. Giải pháp để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2:

- Có ý kiến bằng văn bản đến Chính phủ Campuchia/Lào về việc trong trường hợp Chính phủ Campuchia/Lào chuyển giao dự án cho đối tác khác thì EVNI được thu hồi các chi phí đã thực hiện cho dự án hoặc tham gia góp vốn trong dự án tương tự như dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

- Phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC), Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Lào (AVIL) để thông qua Hiệp hội, giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Làm việc, kiến nghị với Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam trong việc hỗ trợ các thủ tục duy trì hiệu lực pháp lý của các dự án, cũng như thông tin đến các Nhà đầu tư về các dự án của EVNI.

- Thường xuyên liên hệ với Nhà đầu tư trong và ngoài nước để giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư.

1.2.2. Về phương án xử lý tài chính:

- Phương án xử lý tài chính đã được nhóm Người đại diện phần vốn của EVNGENCO1 tại EVNI trình chủ sở hữu xin ý kiến chỉ đạo để làm cơ sở trình HĐQT xem xét thông qua trình ĐHĐCĐ.

- Công ty sẽ trình HĐQT xem xét trình ĐHĐCĐ thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, quyết toán và xử lý tài chính các dự án sau khi có ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền với tiến độ dự kiến như sau:

ĐVT: 1.000.000 đồng.

TT	Tên dự án	Giá trị quyết toán	Giá trị xử lý tài chính hàng năm		
			Năm thứ n+1	Năm thứ n+2	Năm thứ n+3
1	Dự án Hạ Sê San 1/5	24.313,3			24.313,3
2	Dự án Sê Kông	8.755,9		8.755,9	
3	Dự án Nậm Mô 1	7.197,2	7.197,2		

Ghi chú: Tiến độ xử lý tài chính nêu trên được xây dựng theo trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương vào năm thứ n (dự kiến năm 2025).

2. Công tác Tư vấn giám sát:

- Tăng cường tìm kiếm thông tin thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia, làm việc với các đối tác để tham dự thầu các gói thầu phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty.

- Tăng cường tìm kiếm thêm các gói thầu dịch vụ Tư vấn giám sát để tham gia ở lĩnh vực mới (hạ tầng kỹ thuật các nhà máy điện, hạng mục truyền dẫn điện ngầm,...), đặc biệt là mở rộng tìm kiếm các gói thầu TVGS ở thị trường nước ngoài (Lào).

- Duy trì và từng bước nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đơn vị và các cá nhân tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn như:

+ Duy trì hiệu lực giấy phép hoạt động điện lực, chứng chỉ năng lực hoạt động đối với lĩnh vực Tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình;

+ Hoàn thiện, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động cho tổ chức: Chứng chỉ giám sát công trình công nghiệp hạng I.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đội ngũ chuyên gia Tư vấn.

- Bố trí nhân sự thực hiện công tác tư vấn hợp lý, khoa học và hiệu quả; tổ chức thực hiện dịch vụ Tư vấn chuyên nghiệp, bảo đảm các dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả.

- Phối hợp, đôn đốc các đơn vị thi công xây lắp thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán các gói thầu, để EVNI thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán chi phí Tư vấn kịp thời, đáp ứng quy định của hợp đồng và nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Tiếp tục mở rộng thị trường dịch vụ Tư vấn, đặc biệt là công tác Tư vấn cho các dự án nguồn điện.

- Hợp tác, liên danh với các đối tác có đủ năng lực, kinh nghiệm để từng bước nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho EVNI đối với lĩnh vực, ngành nghề mở rộng theo kế hoạch.

- Áp dụng có hiệu quả ứng dụng quản lý đầu tư xây dựng IMIS2.0 trong hoạt động cung cấp dịch vụ Tư vấn.

3. Công tác khác:

- Chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định, nghĩa vụ đối với Nhà nước, chuẩn mực kế toán, hạch toán đúng chế độ. Thu nộp ngân sách, bảo hiểm đầy đủ, đúng quy định.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.

- Kịp thời cập nhật, triển khai áp dụng và thực hiện tuân thủ các quy định về công tác đấu thầu, quản lý tài chính, quản trị doanh nghiệp, công bố thông tin... để chất lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Thường xuyên, chủ động kiểm soát, cân đối dòng tiền để có phương án gửi tiền có kỳ hạn phù hợp nhằm tăng doanh thu hoạt động tài chính.

- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2025.

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 cho các cổ đông theo phương án do ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2025 thông qua.

- Duy trì dịch vụ cho thuê đất, văn phòng, nhà để xe và tiếp tục khai thác tối ưu các khu vực công năng đủ điều kiện cho thuê của Trụ sở Công ty.

- Công tác an sinh xã hội: Quan tâm, tạo điều kiện thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

- Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn thực hiện tuyên truyền, vận động người lao động tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua tạo khí thế trong lao động sản xuất; bảo đảm đời sống, việc làm, thu nhập và thực hiện tốt các chế độ chính sách với người lao động.

- Về mô hình tổ chức và hiệu quả hoạt động:

- + Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2025 nhằm tối ưu hóa chi phí.

- + Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả SXKD (Quản lý chi phí hoạt động chặt chẽ, thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí...), phấn đấu hoàn thành vượt các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ/HĐQT. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

- + Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

4. Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2025:

TT	NỘI DUNG	Đơn vị/tỷ lệ	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện 2024
A	Nguồn thu	Đồng	62.346.374.000	79.043.018.366
A.1	Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty	Đồng	14.346.374.000	17.003.503.062
I	Doanh thu từ hoạt động đầu tư, tài chính, cho thuê đất và văn phòng Công ty	Đồng	4.100.000.000	7.037.967.378
1	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Đồng	3.100.000.000	5.991.849.741
2	Doanh thu từ cho thuê đất và văn phòng của Công ty, khác	Đồng	1.000.000.000	1.046.117.637
II	Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát...)	Đồng	10.246.374.000	9.965.535.684
A.2	Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 (*)	Đồng	48.000.000.000	62.039.515.304
B	Chi phí hoạt động		29.025.926.000	28.560.012.973
B.1	Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty	Đồng	13.084.189.000	11.247.351.878
1	Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty	Đồng	12.569.189.000	10.886.992.846
2	Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê	Đồng	515.000.000	360.359.032
B.2	Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, Giám sát...)	Đồng	9.221.737.000	8.500.052.411
B.3	Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam	Đồng	6.720.000.000	8.812.608.684
C	Lợi nhuận			
1	Lợi nhuận trước thuế năm nay	Đồng	33.320.448.000	50.483.005.393

TT	NỘI DUNG	Đơn vị/tỷ lệ	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện 2024
2	Lợi nhuận để lại chưa phân phối cuối năm trước	Đồng	21.184.740.833	21.344.178.886
D	Cổ tức			
1	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	13
2	Lợi nhuận phân phối cho cổ đông	Đồng	36.677.145.000	47.680.288.500

Trên đây là báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu: VT, TH, HĐQT.

TỔNG GIÁM ĐỐC




Lê Vũ Ninh



**CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần EVN Quốc tế công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần EVN Campuchia được thành lập ngày 01/10/2007 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019858 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần EVN Campuchia đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 vào ngày 21/5/2008, đổi tên thành Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và chuyển trụ sở chính đến Thành phố Đà Nẵng ngày 01/10/2008. Ngày 25/9/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203002232. Cho đến hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 8 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/01/2025 với mã số doanh nghiệp 0102379203. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHN ngày 20/02/2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán EIC. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 28/02/2017.

Vốn điều lệ: 366.771.450.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2024: 366.771.450.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.6255656
- Fax: (84) 0236.3633991
- Website: www.evni.vn

Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Giám sát thi công xây dựng; Hoàn thiện công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp đến 500KV); Tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện; Tư vấn quản lý dự án; Hoàn thiện công trình thủy điện;
- Quản lý dự án; Kinh doanh lâm nghiệp, khai thác mỏ tại Campuchia; Dịch vụ quản lý vận hành các nhà máy điện trong và ngoài nước; Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị, công trình của các nhà máy điện trong và ngoài nước; Thí nghiệm điện; Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện; Xây dựng, vận hành các công trình điện; Khai thác lâm sản, khai thác mỏ; Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng; Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện; Khai thác và sản xuất đá, cát, xi măng, gạch các loại, sắt thép.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 32 người. Trong đó cán bộ quản lý là 7 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

• Ông Trương Quang Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023
• Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023
• Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023
• Ông Lê Vũ Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023
• Ông Lê Duy Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023

Ban Kiểm soát

• Ông Đỗ Quang Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023
• Bà Vũ Hương Trà	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023
• Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Lê Vũ Ninh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2020
• Ông Lê Thanh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/12/2021
• Bà Phạm Thị Thủy	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 16/11/2023

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 142/2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 26/02/2025 của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại điểm (2), (3) và (4) của Thuyết minh số 30, biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi (MoU) của dự án thủy điện Hạ Sê san1/ Sê San 5, thủy điện Sekong tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không tiếp tục được gia hạn/đã hết hiệu lực. Tổng giá trị đầu tư thực tế của các dự án trên tính đến thời điểm 31/12/2024 là 40.266.466.962 đồng hiện phản ánh tại khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” (Trong đó: Dự án thủy điện Hạ Sê san 1/ Sê San 5 là 24.313.325.211 đồng; Dự án thủy điện Sekong là 8.755.911.108 đồng; Dự án thủy điện Nậm Mô 1 là 7.197.230.643 đồng). Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro tổn thất đối với các chi phí đầu tư của 03 dự án nêu trên là không chắc chắn; Công ty có khả năng tìm được đối tác thích hợp để hợp tác, chuyển giao các dự án và thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, thu hồi các chi phí đã đầu tư, thu được hiệu quả kinh tế.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2025-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		106.803.473.620	120.776.957.167
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.817.461.099	4.671.932.892
1. Tiền	111		617.461.099	121.932.892
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.200.000.000	4.550.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		91.200.000.000	105.270.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	91.200.000.000	105.270.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.924.378.602	8.320.225.398
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	6.148.038.064	6.581.500.565
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.112.006.503	2.074.390.798
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(335.665.965)	(335.665.965)
IV. Hàng tồn kho	140		3.016.571.395	1.948.986.126
1. Hàng tồn kho	141	9	3.016.571.395	1.948.986.126
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		845.062.524	565.812.751
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	421.530.966	157.155.351
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	14.874.158	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		408.657.400	408.657.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		316.987.734.620	316.382.141.016
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.875.819.603	22.547.127.882
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.807.819.603	3.479.127.882
- Nguyên giá	222		11.283.575.864	9.723.855.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.475.756.261)	(6.244.727.638)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	19.068.000.000	19.068.000.000
- Nguyên giá	228		19.106.721.745	19.106.721.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.721.745)	(38.721.745)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	21.186.274.726	21.315.605.135
- Nguyên giá	231		22.847.263.434	22.847.263.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.660.988.708)	(1.531.658.299)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.266.466.962	40.266.466.962
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	40.266.466.962	40.266.466.962
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		231.146.788.190	231.146.788.190
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	231.146.788.190	231.146.788.190
VI. Tài sản dài hạn khác	260		512.385.139	1.106.152.847
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	512.385.139	1.106.152.847
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		423.791.208.240	437.159.098.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.875.212.407	10.291.602.244
I. Nợ ngắn hạn	310		32.834.722.407	10.277.952.244
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	522.256.800	541.219.960
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	245.488.738	514.767.771
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	483.865.320	748.518.806
4. Phải trả người lao động	314		1.521.889.000	1.682.887.360
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	18.044.916	20.467.407
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	29.254.008.490	6.038.246.970
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		789.169.143	731.843.970
II. Nợ dài hạn	330		40.490.000	13.650.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	40.490.000	13.650.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		390.915.995.833	426.867.495.939
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	390.915.995.833	426.867.495.939
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	366.771.450.000	366.771.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366.771.450.000	366.771.450.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	24.144.545.833	60.096.045.939
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.344.178.886	17.487.308.371
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.800.366.947	42.608.737.568
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		423.791.208.240	437.159.098.183

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thủy

Người lập



Trần Vũ Quốc Tài

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

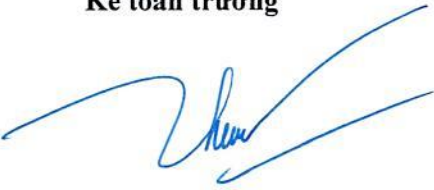
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	10.972.911.239	8.000.352.958
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		10.972.911.239	8.000.352.958
4. Giá vốn hàng bán	11	23	9.046.696.219	6.601.036.446
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		1.926.215.020	1.399.316.512
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	68.031.365.045	57.850.859.133
7. Chi phí tài chính	22	25	8.812.608.684	6.602.400.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	10.700.708.070	9.408.700.969
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.444.263.311	43.239.074.676
11. Thu nhập khác	31		38.742.082	-
12. Chi phí khác	32		-	8.784.821
13. Lợi nhuận khác	40		38.742.082	(8.784.821)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.483.005.393	43.230.289.855
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	2.349.946	621.552.287
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		50.480.655.447	42.608.737.568
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.376	1.105
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	1.376	1.105

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thủy

Người lập




Trần Vũ Quốc Tài

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50.483.005.393	43.230.289.855
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định và BĐSĐT	02	11,12,13	360.359.032	390.038.280
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(109.874)	(32.128)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24, 25	(59.294.122.862)	(51.032.008.442)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(8.450.868.311)	(7.411.712.435)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		586.406.796	2.113.437.141
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9	(1.067.585.269)	(867.916.043)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(454.394.749)	(2.513.278.501)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		329.392.093	768.394.066
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(265.909.885)	(357.786.100)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.017.396.880)	(3.888.838.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.340.356.205)	(12.157.700.172)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(1.559.720.344)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(98.800.000.000)	(107.570.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	112.870.000.000	158.550.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8, 24, 25	59.103.562.862	51.423.436.442
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		71.613.842.518	102.403.436.442
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(61.128.067.980)	(94.129.820.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(61.128.067.980)	(94.129.820.555)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(854.581.667)	(3.884.084.285)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	4.671.932.892	8.555.985.049
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		109.874	32.128
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	3.817.461.099	4.671.932.892


Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trương Quang Minh
Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thủy

Người lập

Trần Vũ Quốc Tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần EVN Campuchia được thành lập ngày 01/10/2007 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019858 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần EVN Campuchia đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 vào ngày 21/5/2008, đổi tên thành Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và chuyển trụ sở chính đến Thành phố Đà Nẵng ngày 01/10/2008. Ngày 25/9/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203002232. Cho đến hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 8 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/01/2025 với mã số doanh nghiệp 0102379203. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Quản lý dự án; Tư vấn, giám sát thi công xây dựng.**2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, hàng hóa và đích danh đối với dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất lâu dài và tài sản cố định vô hình khác.

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng Website	3
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Loại tài sảnThời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc

6 - 30

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động tư vấn, giám sát thi công xây dựng và cho thuê văn phòng.

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 các hoạt động này được áp dụng mức thuế suất 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	2.974.000	5.943.500
Tiền gửi ngân hàng	614.487.099	115.989.392
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	3.200.000.000	4.550.000.000
Cộng	3.817.461.099	4.671.932.892

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	91.200.000.000	105.270.000.000
Cộng	91.200.000.000	105.270.000.000

Tại thời điểm 31/12/2024 khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị. Trong đó, khoản tiền gửi có giá trị 4.300.000.000 đồng được cầm cố cho khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại các ngân hàng:

- Ngân hàng Thương mại CP An Bình (bên liên quan): 400.000.000 đồng;
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: 1.800.000.000 đồng;
- Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam: 2.100.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
BQL dự án các công trình điện Miền Trung	3.933.841.911	3.319.137.384
Công ty Truyền tải điện 1	840.000.000	-
Công ty CP Thủy điện A Vương	700.000.000	919.012.772
BQL dự án truyền tải điện - CN Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	173.889.082	1.795.134.247
Các đối tượng khác	500.307.071	548.216.162
Cộng	6.148.038.064	6.581.500.565

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Tổng Công ty phát điện 1	Công ty đầu tư	135.665.965	135.665.965
Ban QLDA các công trình điện miền Trung - Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	Chung Công ty đầu tư	3.933.841.911	3.319.137.384
Ban QLDA Truyền tải điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	Chung Công ty đầu tư	173.889.082	1.795.134.247
Công ty truyền tải điện 1 - Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	Chung Công ty đầu tư	840.000.000	-
Công ty CP Thủy điện A Vương	Chung Công ty đầu tư	700.000.000	919.012.772
Cộng		5.783.396.958	6.168.950.368

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	1.957.846.000	-	1.767.286.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	25.000.000	-	5.000.000	-
Các khoản khác	129.160.503	-	302.104.798	-
Cộng	2.112.006.503	-	2.074.390.798	-

9. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (Tư vấn giám sát)	3.016.571.395	-	1.948.986.126	-
Cộng	3.016.571.395	-	1.948.986.126	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí thuê nhà	-	2.000.000
Chi phí bảo hiểm	84.398.730	71.750.799
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	119.752.279	30.781.291
Chi phí trả trước khác	217.379.957	52.623.261
Cộng	421.530.966	157.155.351

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.074.410	48.821.374
Chi phí sửa chữa Tài sản	423.618.053	1.052.591.473
Chi phí trả trước khác	85.692.676	4.740.000
Cộng	512.385.139	1.106.152.847

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.726.541.518	297.272.727	3.342.007.200	358.034.075	9.723.855.520
Tăng trong năm	-	-	1.559.720.344	-	1.559.720.344
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	5.726.541.518	297.272.727	4.901.727.544	358.034.075	11.283.575.864
Khấu hao					
Số đầu năm	2.279.109.919	297.272.727	3.342.007.200	326.337.792	6.244.727.638
Khấu hao trong năm	189.374.448	-	9.957.892	31.696.283	231.028.623
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.468.484.367	297.272.727	3.351.965.092	358.034.075	6.475.756.261
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.447.431.599	-	-	31.696.283	3.479.127.882
Số cuối năm	3.258.057.151	-	1.549.762.452	-	4.807.819.603

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 4.042.621.911 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại 31/12/2024.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất(*)	Quyền sử dụng Website	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19.068.000.000	38.721.745	19.106.721.745
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	19.068.000.000	38.721.745	19.106.721.745
Khấu hao			
Số đầu năm	-	38.721.745	38.721.745
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	38.721.745	38.721.745
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19.068.000.000	-	19.068.000.000
Số cuối năm	19.068.000.000	-	19.068.000.000

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng với diện tích là 2.542,4m². Công ty sử dụng làm trụ sở làm việc và cho thuê văn phòng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 38.721.745 đồng.

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19.068.000.000	3.779.263.434	22.847.263.434
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	19.068.000.000	3.779.263.434	22.847.263.434
Khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	-	1.531.658.299	1.531.658.299
Tăng trong năm	-	129.330.409	129.330.409
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	1.660.988.708	1.660.988.708
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19.068.000.000	2.247.605.135	21.315.605.135
Số cuối năm	19.068.000.000	2.118.274.726	21.186.274.726

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tương ứng với diện tích cho thuê tại Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 (*)	24.313.325.211	24.313.325.211
Dự án thủy điện SeKong (*)	8.755.911.108	8.755.911.108
Dự án thủy điện Nậm Mô 1 (*)	7.197.230.643	7.197.230.643
Cộng	40.266.466.962	40.266.466.962

(*) Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2024 đang trình bày trên Báo cáo tài chính đã bao gồm phần thuế GTGT đầu vào của các dự án và chi phí quản lý dự án do chính Công ty thực hiện, chi tiết như sau:

Dự án	Địa điểm	Thuê GTGT đầu vào	Chi phí quản lý dự án (*)	Chi phí thuê đơn vị tư vấn	Tổng
Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5	Campuchia	1.784.456.406	5.191.997.418	17.336.871.387	24.313.325.211
Dự án thủy điện SeKong	Campuchia	436.517.605	1.012.397.167	7.306.996.336	8.755.911.108
Dự án thủy điện Nậm Mô 1	Lào	248.371.168	2.044.783.118	4.904.076.357	7.197.230.643
Cộng		2.469.345.179	8.249.177.703	29.547.944.080	40.266.466.962

(*) Chi phí quản lý dự án bao gồm các chi phí như: tiền thuê văn phòng Công ty tại Việt Nam được phân bổ; chi phí thuê văn phòng tại khu vực dự án làm văn phòng quản lý, điều hành dự án; chi phí khấu hao tài sản cố định (phương tiện, máy móc) phục vụ điều hành dự án; chi phí nhiên liệu, công cụ dụng cụ tham gia trực tiếp công tác điều hành dự án; chi phí tiền lương cán bộ, nhân viên tham gia quản lý dự án; chi phí mua vé máy bay, vé xe cho cán bộ, nhân viên đi công tác, chi phí tiếp khách, tổ chức hội họp liên quan đến dự án.

Cơ sở pháp lý để Công ty hạch toán các chi phí trên vào chi phí quản lý dự án như sau:

- Khoản 1, Điều 3, chương III tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty nêu rõ: “Đầu tư, quản lý dự án công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia”;
- Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty (đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 21/01/2015), Mục 3 - Ngành, nghề kinh doanh, nội dung thứ 5, ghi rõ “quản lý dự án”.
- Từ khi thành lập đến nay, Công ty hoạt động với nhiệm vụ chính là nghiên cứu đầu tư các dự án, theo hướng dẫn tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/2/2009 của Chính phủ và các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, trong đó chi phí quản lý dự án là một hạng mục chi phí bao gồm các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án từ khi lập dự án đến khi hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng. Chi phí này nhằm mục đích để chủ đầu tư thuê tư vấn thực hiện nhiệm vụ tư vấn quản lý dự án. Ở đây, Công ty đủ năng lực thực hiện nên đã tổ chức tự thực hiện nhiệm vụ. Công ty phải phân bổ các chi phí quản lý cho các dự án đang được nghiên cứu đầu tư nhằm phản ánh đầy đủ chi phí hình thành tài sản cố định.
- Nguyên tắc “phù hợp” được quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 “Chuẩn mực chung” có nêu: “Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (*)	231.146.788.190	231.146.788.190
Cộng	231.146.788.190	231.146.788.190

(*) Phần vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 là 10% vốn chủ sở hữu. Số vốn góp được xác định tương ứng với toàn bộ các công việc mà Công ty đã thực hiện cho Dự án thể hiện bằng các tài liệu, kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hồ sơ kỹ thuật đã hoàn thành của Dự án. Quyết toán chi phí thực hiện khối lượng công việc nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2013 của Công ty thông qua với giá trị 231.146.788.190 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT). Xem Thuyết minh chi tiết tại mục 30 “Các khoản đầu tư và sự kiện liên quan”

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 đã diễn ra và thông qua các nội dung: báo cáo hoạt động năm 2023, phê duyệt kế hoạch ngân sách năm 2024, phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán và kế hoạch trả cổ tức năm 2023. Một số nội dung chủ yếu như sau:

1/ Thông qua tình hình thực hiện vốn năm 2023: Trong năm 2023, Công ty đã trả nợ gốc được 146,89 triệu USD và trả lãi vay là 39,14 triệu USD. Dư nợ đến cuối năm 2023 là 445,41 triệu USD.

2/ Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động năm 2024 như sau:

- Doanh thu điện:** Sản lượng điện dự kiến là 1.823 GWh. Dựa trên điều này, doanh thu điện dự kiến là 126,68 triệu USD.
- Chi phí vận hành:** Năm 2024 ước tính chi phí vận hành là 44,67 triệu USD. Trong đó các chi phí chủ yếu bao gồm: 0,72 triệu USD chi phí vật tư; 11,57 triệu USD lương nhân viên; 29,51 triệu USD chi phí khác (các loại chi phí sản xuất hàng ngày, phí bảo hiểm và v.v...) và 2,41 triệu USD chi phí đại tu; 1,81 triệu USD chi phí dự phòng tài chính
- Chi phí lãi vay:** Khoản lãi ước tính phải trả vào năm 2024 sẽ là 35,04 triệu.

3/ Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Baker Tilly Campuchia. Đến ngày 31/12/2023, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: USD 31/12/2023
Tổng tài sản	781.942.374
Tổng nợ phải trả	509.161.290
Vốn cổ phần	1.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	131.063.200
Dự trữ pháp định	100.000
Lợi nhuận chưa phân phối	140.617.884

Năm 2023, Nhà máy Thủy điện Hạ Sê San 2 đã phát và hòa lưới 1.897,07 GWh, lợi nhuận sau thuế là 56,07 triệu USD. Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 đã trả cổ tức cho cổ đông trong năm 2023 là 20 triệu USD và lợi nhuận giữ lại lũy kế đến cuối năm là 140,62 triệu USD.

4/ Phân phối lợi nhuận: Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, các cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận là 25 triệu USD. Trong đó Công ty CP EVN Quốc tế thu được 2,5 triệu USD lợi nhuận được chia. Khoản cổ tức này đã được thanh toán trong năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Viện năng lượng	509.500.000	509.500.000
Phải trả người bán khác	12.756.800	31.719.960
Cộng	522.256.800	541.219.960

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
BQL dự án các công trình Điện Miền Trung (Bên liên quan)	243.328.738	514.767.771
Người mua trả tiền trước khác	2.160.000	-
Cộng	245.488.738	514.767.771

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư phải thu đầu năm	Số dư phải trả đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số dư phải thu cuối năm	Số dư phải trả cuối năm
Thuế GTGT	-	453.691.073	380.738.885	612.864.383	-	221.565.575
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	248.685.781	2.349.946	265.909.885	14.874.158	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	45.082.667	386.170.375	168.953.297	-	262.299.745
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	38.195.492	38.195.492	-	-
Các loại thuế khác	-	1.059.285	-	1.059.285	-	-
Phí và lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	748.518.806	810.454.698	1.089.982.342	14.874.158	483.865.320

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí tiền điện, nước sạch và vệ sinh	10.518.990	20.467.407
Chi phí chưa có hóa đơn	7.525.926	-
Cộng	18.044.916	20.467.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Nhận ký quỹ, ký cược (Đặt cọc thuê văn phòng)	45.950.000	47.200.000
Cổ tức phải trả	29.079.933.490	5.850.567.970
Thù lao HĐQT và BKS	94.488.000	119.136.000
Các khoản khác	33.637.000	21.343.000
Cộng	29.254.008.490	6.038.246.970

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (Đặt cọc thuê văn phòng)	40.490.000	13.650.000
Cộng	40.490.000	13.650.000

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	366.771.450.000	115.324.299.371	482.095.749.371
Tăng trong năm	-	42.608.737.568	42.608.737.568
Giảm trong năm	-	97.836.991.000	97.836.991.000
Số dư tại 31/12/2023	366.771.450.000	60.096.045.939	426.867.495.939
Số dư tại 01/01/2024	366.771.450.000	60.096.045.939	426.867.495.939
Tăng trong năm	-	50.480.655.447	50.480.655.447
Giảm trong năm	-	86.432.155.553	86.432.155.553
Số dư tại 31/12/2024	366.771.450.000	24.144.545.833	390.915.995.833

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.677.145	36.677.145
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu phổ thông	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu phổ thông	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	60.096.045.939	115.324.299.371
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	50.480.655.447	42.608.737.568
Phân phối lợi nhuận	86.432.155.553	97.836.991.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	38.751.867.053	97.836.991.000
- Trả cổ tức bằng tiền	36.677.145.000	95.360.577.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.762.427.428	2.101.996.000
- Quỹ thưởng người quản lý	312.294.625	374.418.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (**)	47.680.288.500	-
- Trả cổ tức bằng tiền	47.680.288.500	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.144.545.833	60.096.045.939

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2024.

(**) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 56/NQ-HĐQT ngày 26/09/2024 và Nghị quyết số 72/NQ-HĐQT ngày 05/12/2024.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 23/05/2023 đã thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với mức chi trả là 10%/ vốn điều lệ (tương ứng 36.677.145.000 đồng). Theo đó, Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2024.

Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 của năm 2024 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 56/NQ-HĐQT ngày 26/09/2024 với tỷ lệ 7%/Vốn điều lệ (tương ứng 25.674.001.500 đồng) đã được chi trả vào ngày 26/12/2024 và tạm ứng cổ tức đợt 2 của năm 2024 theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐQT ngày 05/12/2024 với tỷ lệ 6%/ Vốn điều lệ (tương ứng 22.006.287.000 đồng), ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức là ngày 27/12/2024, ngày thanh toán cổ tức là ngày 14/08/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn QLDA	9.965.535.684	7.123.284.780
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.005.986.666	877.068.178
Doanh thu khác	1.388.889	-
Cộng	10.972.911.239	8.000.352.958

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn QLDA	8.500.052.411	6.040.487.315
Giá vốn cho thuê văn phòng	546.643.808	560.549.131
Cộng	9.046.696.219	6.601.036.446

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi	5.991.322.862	10.474.408.442
Lãi chậm thanh toán	417.005	1.221.360
Cổ tức, lợi nhuận được chia	61.980.000.000	47.160.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	59.515.304	215.197.203
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	109.874	32.128
Cộng	68.031.365.045	57.850.859.133

25. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí thuế đánh trên cổ tức chuyển về nước đã nộp tại Campuchia (*)	8.677.200.000	6.602.400.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	135.408.684	-
Cộng	8.812.608.684	6.602.400.000

(*) Là thuế đánh trên phần cổ tức chuyển về nước (14% cổ tức thực chuyển) mà Chính phủ Campuchia đã khấu trừ khi Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 chuyển trả cổ tức cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	207.611.064	359.330.315
Lương và các khoản trích theo lương	5.401.151.280	4.942.218.720
Chi phí khấu hao tài sản cố định	231.028.623	260.691.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.418.854.709	1.207.314.800
Chi phí bằng tiền khác	2.442.062.394	2.639.146.014
Cộng	10.700.708.070	9.408.700.969

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.483.005.393	43.230.289.855
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(2.819.794.607)	2.672.689.855
- Lợi nhuận từ cổ tức nhận được từ nước ngoài	53.302.800.000	40.557.600.000
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	8.950.164.318	6.942.622.397
- Điều chỉnh tăng	8.950.164.318	6.942.622.397
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	204.912.000	262.620.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	68.052.318	77.602.397
+ Chi phí thuế đánh trên cổ tức chuyển về nước đã nộp tại Campuchia	8.677.200.000	6.602.400.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	59.433.169.711	50.172.912.252
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(2.546.830.289)	3.012.912.252
- Thu nhập từ cổ tức nhận được từ nước ngoài	61.980.000.000	47.160.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.396.000.000	10.034.582.450
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (20%)	-	602.582.450
- Thu nhập từ cổ tức nhận được từ nước ngoài (20%)	12.396.000.000	9.432.000.000
Thuế TNDN được miễn, khấu trừ thuế đã nộp ở NN	12.396.000.000	9.432.000.000
- Thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài	-	-
- Miễn thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài (*)	12.396.000.000	9.432.000.000
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.349.946	621.552.287
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	602.582.450
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	2.349.946	18.969.837

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn nộp đối với cổ tức nhận được từ đầu tư vốn tại Vương quốc Campuchia theo Hiệp định ký ngày 31/3/2018 giữa Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia về tránh đánh thuế 02 lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50.480.655.447	42.608.737.568
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(2.074.722.053)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao, lương HĐQT, BKS và Ban TGĐ)	-	2.074.722.053
LN hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu cổ phiếu phổ thông	50.480.655.447	40.534.015.515
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.677.145	36.677.145
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu (*)	1.376	1.105

(*) Chỉ tiêu “Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu” năm 2023 thay đổi do Công ty điều chỉnh các khoản giảm trừ (Quỹ khen thưởng, phúc lợi) vào Lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như Điều lệ Công ty không quy định số liệu trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 có thể thay đổi tùy thuộc vào số liệu phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông sắp đến về Quỹ khen thưởng, phúc lợi

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	258.086.757	399.769.314
Chi phí nhân công	10.587.598.280	9.027.440.720
Chi phí khấu hao tài sản cố định	360.359.032	390.038.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.039.244.731	1.501.358.979
Chi phí khác	6.569.700.758	5.559.046.165
Cộng	20.814.989.558	16.877.653.458

30. Thông tin về các dự án/khoản đầu tư và đánh giá của Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty về các dự án

Theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ngày 18/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025 và Quyết định số 1028/QĐ-TTg ngày 21/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030. Căn cứ theo Công văn số 5239/CV-EVN-TCCB&ĐT ngày 04/10/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thì công tác quản lý dự án các công trình dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và lưới điện đồng bộ tại Campuchia được giao cho Công ty Cổ phần EVN Campuchia (nay là Công ty Cổ phần EVN Quốc tế - EVNI) tiếp tục thực hiện các công tác quản lý dự án, đầu tư xây dựng. Quá trình thực hiện các dự án này đến 30/06/2024 được tóm tắt như sau:

(1) *Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và đường dây đấu nối:* Đây là dự án thủy điện có công suất 400MW, nằm ở hợp lưu sông Sê San và Sông Srepok thuộc huyện Sê San tỉnh Stung Treng, Vương quốc Campuchia và là dự án thủy điện lớn nhất hiện nay của Campuchia. Tổng chi phí đầu tư của EVNI cho công tác lập kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hoàn thành hồ sơ kỹ thuật của Dự án là 231.146.788.190 đồng. Theo Biên bản làm việc ngày 28/8/2012, biên bản thỏa thuận ngày 05/11/2012 giữa EVNI, Công ty TNHH Royal Group và Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (là pháp nhân do 2 bên góp vốn thành lập để thực hiện đầu tư và phát triển dự án thủy điện Hạ Sê san 2, gọi tắt là công ty dự án), các bên đã chấp thuận EVNI tham gia 10% vốn chủ sở hữu trong dự án thủy điện Hạ Sê San 2 cũng như trong công ty dự án (tỷ lệ 10% này là cố định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đối với mọi sự tăng, giảm của tổng mức đầu tư và/hoặc vốn chủ sở hữu thực hiện của dự án và/hoặc Công ty dự án và không thay đổi trong toàn bộ vòng đời của công ty dự án). Số vốn góp được xác định tương ứng với toàn bộ các công việc mà EVNI đã thực hiện cho dự án. Theo đó, EVNI phải chuyển giao tất cả các tài liệu, kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hồ sơ kỹ thuật đã hoàn thành của dự án cho công ty dự án. Ngày 5/11/2012, EVNI đã bàn giao tất cả các tài liệu nêu trên cho Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2.

Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 đã phát điện thương mại giữa tháng 12/2018 và chỉ qua 05 năm hoạt động lũy kế cổ tức của các năm 2019-2023 mà Công ty đã nhận được là 17,458 triệu USD tương đương 407,593 tỷ đồng (đạt 177% giá trị vốn Công ty đã đầu tư vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2). Hiện nay, nhà máy đã hoạt động ổn định và trong các năm tới dự án chắc chắn tiếp tục sinh lời.”

(2) *Dự án thủy điện Hạ Sê San1/Sê San 5*: Biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi của dự án (sau đây gọi tắt là “MoU”) của dự án thủy điện Hạ Sê San1/Sê San 5 tại Vương quốc Campuchia đã hết hiệu lực vào ngày 30/06/2016. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Hạ Sê San1/Sê San 5 là 24.313.325.211 đồng. Ngày 16/06/2016, Công ty đã có công văn số 115/CV-EVNI-TH gửi Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn MoU đến 30/06/2018. Ngày 05/10/2016, Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đã có văn bản số 1135 GDE gửi đến Công ty yêu cầu nộp một khoản lệ phí công (public fee) với mức 90.000.000 Riel/năm (khoảng 548 triệu đồng/năm) để được gia hạn và hình thức nộp bằng tiền mặt. Ngày 21/09/2017, Công ty đã có công văn số 186/CV-EVNI-TH đề nghị MME gia hạn MoU đến 30/09/2018 và xem xét miễn giảm khoản phí gia hạn do đặc thù của dự án nằm trên biên giới Việt Nam và Campuchia trong đó phần diện tích mặt hồ 50% thuộc Campuchia và 50% thuộc Việt Nam đồng thời chấp thuận gia hạn MoU của dự án và tổ chức báo cáo FS của dự án. Ngày 10/06/2019, Công ty đã có công văn số 159A/ EVNI-TH gửi Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn MoU đến 30/06/2021. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, phía MME chưa có ý kiến trả lời đối với đề nghị của Công ty.

Ban điều hành Công ty cũng tăng cường trao đổi thông tin với Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC) để được giới thiệu tìm kiếm đối tác chuyển giao dự án.

Ngoài ra, EVNI đã triển khai nghiên cứu dự án thủy điện Sekong tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Quá trình triển khai nghiên cứu khả thi các dự án này đến 31/12/2024 được tóm tắt như sau:

(3) *Dự án thủy điện Sekong*: Dự án thủy điện Sê Kông được triển khai thực hiện trên cơ sở biên bản ghi nhớ (MoU) ký ngày 09/12/2009 giữa Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia (MIME) và EVNI về việc nghiên cứu dự án thủy điện Sê Kông. MoU của dự án hết hiệu lực vào ngày 30/06/2013. EVNI đã hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án và nộp MIME tháng 6/2012. Đến tháng 09/2013, EVNI nhận được văn bản số 2335.MIME của Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia về việc dừng gia hạn MOU do dự án ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và xã hội. Tuy nhiên theo đánh giá của EVNI là do tại thời điểm năm 2012 EVNI không thực hiện triển khai dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 (EVNI chuyển giao dự án và tham gia góp vốn 10% vào dự án) nên điều này ảnh hưởng đến các dự án điện của Campuchia, vì thế phía Campuchia không thực hiện gia hạn MoU của dự án. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Sekong là 8.755.911.108 đồng (trong đó, chi phí đầu tư là 8.319.393.503 đồng, VAT tương ứng là 436.517.605 đồng).

Từ 2013 đến nay, thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn tương ứng với giá trị bỏ ra, EVNI đã có các kiến nghị đến Bộ Kế hoạch và đầu tư; Hiệp hội các nhà Đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC) và làm việc trực tiếp với Tổng cục Năng lượng - MIME về các chi phí đã thực hiện (Dự án hoàn thành đầy đủ báo cáo FS theo đúng thời gian quy định của MoU), đề nghị phía Campuchia thu hồi chi phí của EVNI trong trường hợp MIME giao cho Nhà đầu tư khác thực hiện hoặc giới thiệu EVNI tham gia hợp tác với chi phí đã thực hiện tương tự dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

Trong thời gian tới EVNI sẽ làm việc với các cổ đông của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (Công ty mà EVNI đang sở hữu 10% vốn góp) để hợp tác triển khai dự án Thủy điện Sê Kông (dự án có vị trí địa lý và các điều kiện tương tự dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và cách dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 40km trong cùng tỉnh Sungtreng- Campuchia).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(4) Dự án thủy điện Nậm Mô 1: Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Nậm Mô 1 (sau kiểm toán dự án) là 7.197.230.643 đồng (trong đó, chi phí đầu tư là 6.948.859.475 đồng, VAT tương ứng là 248.371.168 đồng). Dự án được thực hiện theo MOU đã ký ngày 04/03/2010 giữa EVNI và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về việc triển khai nghiên cứu đầu tư và phát triển dự án thủy điện Nậm Mô 1. EVNI đã hoàn thành BCNCKT và trình Bộ Năng lượng và mỏ của Lào (MEM) vào tháng 11/2012. Tháng 5/2013, Công ty đã tổ chức báo cáo hồ sơ nghiên cứu khả thi và đề nghị phía Lào thông qua dự án để EVNI ký Hợp đồng phát triển dự án (PDA) nhằm kéo dài thời gian nghiên cứu dự án thêm 18 tháng phục vụ tìm kiếm đối tác cùng hợp tác đầu tư hoặc chuyển nhượng. Sau khi thông qua báo cáo phía Lào đã có văn bản chính thức thông qua sơ bộ BCNCKT theo văn bản số: 535/MEM.DEPP ngày 24/07/2013 (đây là một trong điều kiện đầu vào để ký PDA; một điều kiện khác là TOR của EIA được phê duyệt, Công ty cũng đã hoàn thành). Tuy nhiên tại thời điểm thông qua BCNCKT tháng 7/2013 quyền nghiên cứu phát triển dự án được thể hiện trong MoU đã hết hạn vào tháng 05/2013 do đó MEM từ chối ký PDA cho dự án.

Việc MEM chậm trễ trong việc tổ chức tổ chức họp xem xét hồ sơ BCNCKT của dự án (BCNCKT được EVNI nộp lên Bộ Năng lượng và Mỏ của Lào vào tháng 11/2012 nhưng đến tháng 5/2013 phía Lào mới tổ chức họp và tháng 7/2013 được sơ bộ thông qua, thời gian tổ chức họp kéo dài hơn 6 tháng kể từ thời điểm nộp hồ sơ BCNCKT dự án, dẫn đến khi BCNCKT của dự án được thông qua thì MOU của dự án đã hết hạn, không đủ điều kiện để ký PDA cho dự án) EVNI đã nhiều lần đề nghị phía MEM, các bộ ngành liên quan cho phép gia hạn MoU với thời gian gia hạn để bù cho việc phía Lào chậm trễ trong việc tổ chức họp thông qua BCNCKT của dự án hoặc cho phép ký PDA mà không cần gia hạn MoU nhưng vẫn chưa nhận được ý kiến phản hồi từ phía Lào.

Từ năm 2018 đến nay, EVNI đã có công văn gửi Hiệp hội các nhà đầu tư sang Lào (AVIL) bày tỏ mong muốn AVIL hỗ trợ giới thiệu các đối tác quan tâm đến dự án này để hợp tác, chuyển giao dự án. Đồng thời kiến nghị Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt Nam có ý kiến với MEM đồng ý để EVNI tiếp tục thực hiện PDA và triển khai dự án.

Đánh giá của Công ty về các dự án đang đầu tư dở dang:

Thực tế cho thấy, việc thực hiện đầu tư các dự án điện tại nước ngoài sẽ bị tác động bởi quá trình phát triển kinh tế xã hội của nước sở tại (nhu cầu điện gắn liền với tốc độ phát triển kinh tế xã hội qua các năm); Ngoài ra, còn bị ảnh hưởng bởi yếu tố chính trị và mục tiêu đầu tư ban đầu của EVNI (đưa điện về Việt Nam). EVNI cho rằng xu thế phát triển tất yếu của kinh tế xã hội sẽ làm nhu cầu về điện ngày càng tăng cao (như thực trạng thị trường điện tại Việt Nam hiện nay), khi các dự án nguồn điện cạn kiệt thì các nhà đầu tư sẽ tiếp tục quan tâm tìm kiếm các dự án thủy điện (năng lượng sạch). Đây sẽ là điều kiện để EVNI thực hiện chuyển giao hoặc hợp tác đầu tư tương tự dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

Là đơn vị chuyên ngành về điện năng và có nhiều năm nghiên cứu về thị trường điện, EVNI cho rằng các dự án thủy điện nêu trên vẫn có khả năng thu được lợi ích trong tương lai, thu hồi các chi phí đã thực hiện và đem lại hiệu quả (như dự án thủy điện Hạ Sê San 2 mà EVNI đã thực hiện đầu tư).

Ban Lãnh đạo Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi, xem xét, đánh giá các tín hiệu tích cực về các dự án thủy điện nêu trên và xây dựng phương án trình các cấp có thẩm quyền đầu tư hoặc chuyển giao các dự án như dự án Thủy điện Hạ sê san 2. Công tác triển khai, tìm kiếm đối tác thích hợp để chuyển giao không dễ dàng và có thể kéo dài nhưng với kinh nghiệm quản lý dự án nhiều năm Công ty cho rằng tính khả thi và hiệu quả của mỗi dự án đều rất tốt nên vẫn có khả năng tìm được đối tác thích hợp trong việc hợp tác, chuyển giao các dự án như dự án Thủy điện Hạ sê san 2. Và rủi ro tồn thất đối với các chi phí đã bỏ ra là không chắc chắn. Do đó, EVNI không ghi nhận chi phí đầu tư vào 03 dự án nêu trên như là khoản tồn thất trong giai đoạn hiện nay.

31. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch nhận cổ tức từ các khoản đầu tư ở nước ngoài bằng ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá khi quy đổi về đồng tiền ghi sổ. Tuy nhiên, việc giao dịch chuyển đổi tiền tệ với ngân hàng được thực hiện trong thời gian ngắn nên Công ty cho rằng các biến động dẫn đến rủi ro về tỷ giá là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu đối với hoạt động tư vấn, giám sát chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các công ty lớn, uy tín. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền kịp thời, do đó Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	522.256.800	-	522.256.800
Chi phí phải trả	18.044.916	-	18.044.916
Phải trả khác	29.254.008.490	40.490.000	29.294.498.490
Cộng	29.794.310.206	40.490.000	29.834.800.206
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	541.219.960	-	541.219.960
Chi phí phải trả	20.467.407	-	20.467.407
Phải trả khác	6.038.246.970	13.650.000	6.051.896.970
Cộng	6.599.934.337	13.650.000	6.613.584.337

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.817.461.099	-	3.817.461.099
Phải thu khách hàng	5.812.372.099	-	5.812.372.099
Đầu tư tài chính	91.200.000.000	231.146.788.190	322.346.788.190
Phải thu khác	2.112.006.503	-	2.112.006.503
Cộng	102.941.839.701	231.146.788.190	334.088.627.891

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.671.932.892	-	4.671.932.892
Phải thu khách hàng	6.245.834.600	-	6.245.834.600
Đầu tư tài chính	105.270.000.000	231.146.788.190	336.416.788.190
Phải thu khác	2.074.390.798	-	2.074.390.798
Cộng	118.262.158.290	231.146.788.190	349.408.946.480

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là là Quản lý dự án và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty đầu tư
Ngân hàng TMCP An Bình	Công ty đầu tư
Công ty Nhiệt điện Phả Lại	Công ty đầu tư
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty Thủy điện Bản vẽ - CN Tổng Công ty Phát điện 1	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Thủy điện A Vương	Chung công ty đầu tư
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	Chung công ty đầu tư
-Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	
Ban QLDA Truyền tải điện - Chi nhánh	Chung công ty đầu tư
Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	
Công ty truyền tải điện 1 - Tổng công ty	Chung công ty đầu tư
Công ty TNHH ĐTXD Eicon Solar	Công ty được đầu tư của người quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Xây dựng Eicon	Công ty được đầu tư của người quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại TKP	Công ty được đầu tư của người quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
Bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Ban QLDA các công trình điện miền Trung -Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	8.564.616.002	4.275.987.911
Ban QLDA Truyền tải điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	423.190.227	-
Công ty truyền tải điện 1 - Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	954.545.455	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cho thuê bãi đậu xe	87.272.724	87.272.724
Mua hàng hóa và dịch vụ			
Công ty Thủy điện Bản vẽ - CN Tổng Công ty Phát điện 1	Thuê nhân sự tham gia giám sát	213.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Thuê nhân sự tham gia giám sát	144.000.000	-
Ngân hàng TMCP An Bình	Gửi tiền tiết kiệm	85.500.000.000	50.170.000.000
	Tắt toán tiền gửi	66.070.000.000	90.100.000.000
	Lãi nhận được từ tiền gửi	3.374.013.366	6.244.694.060
	Phí bảo lãnh	2.931.996	3.179.269

c. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
Hội đồng quản trị		
994.122.000 1.000.238.500		
Ông Trương Quang Minh	Chủ tịch	756.381.000 701.155.000
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	79.247.000 99.694.500
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	79.247.000 99.694.500
Ông Lê Duy Thanh	Thành viên	79.247.000 99.694.500
Ban kiểm soát		
206.139.000 260.242.500		
Ông Đỗ Quang Minh	Trưởng ban	74.019.000 45.715.333
Bà Đinh Hải Ninh	Nguyên Trưởng ban	5.226.000 53.979.167
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	63.447.000 80.274.000
Bà Vũ Hương Trà	Thành viên	63.447.000 80.274.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		
1.730.868.000 1.597.552.000		
Ông Lê Vũ Ninh	Tổng giám đốc	702.368.000 668.082.000
Ông Lê Thanh Khoa	Phó Tổng giám đốc	583.650.000 592.637.000
Bà Phạm Thị Thủy	Kế toán trưởng	444.850.000 336.833.000

Tổng số thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách và Ban kiểm soát được Đại hội đồng Cổ đông 2024 thông qua là 318.720.000 đồng. Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024, Công ty đã ghi nhận thù lao vào Báo cáo tài chính năm 2024 là 382.488.000 đồng. Số liệu này sẽ được trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025 sắp đến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.

**Chủ tịch Hội đồng quản trị****Trương Quang Minh**

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Kế toán trưởng**Phạm Thị Thủy****Người lập biểu****Trần Vũ Quốc Tài**

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội v/v Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Với kết quả SXKD năm 2024 theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận và các quỹ:

ĐVT: đồng.

TT	Nội dung	Giá trị	Ghi chú
I	Lợi nhuận		
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN năm nay	50.483.005.393	
2	Thuế TNDN	2.349.946	
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay	50.480.655.447	
4	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế năm trước	21.344.178.886	
5	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế năm nay (5)=(3)+(4)	71.824.834.333	
II	Phân phối lợi nhuận trích các quỹ		
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	2.563.772.000	Khoản 1, Điều 18 TT28:

TT	Nội dung	Giá trị	Ghi chú
			- 3 tháng TLBQ thực hiện của NLD
			- Lợi nhuận vượt KH thì trích thêm 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, tối đa 3 tháng TLBQ thực hiện của NLD
a	Quỹ khen thưởng	1.281.886.000	
-	Trích thưởng hoàn thành kế hoạch	803.318.000	50%*3 tháng TLBQ thực hiện của NLD
-	Trích thưởng vượt kế hoạch	478.568.000	50% của 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch
b	Quỹ phúc lợi	1.281.886.000	
-	Trích phúc lợi hoàn thành kế hoạch	803.318.000	50%*3 tháng TLBQ thực hiện của NLD
-	Trích phúc lợi vượt kế hoạch	478.568.000	50% của 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch
2	Quỹ thưởng người quản lý	396.033.000	
-	HDQT, BKS	47.811.000	1,5 tháng thù lao bình quân
-	Ban điều hành	348.222.000	Khoản 2, Điều 18 TT28: 1,5 tháng TLBQ thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách
3	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ	68.865.029.333	
IV	Lợi nhuận Chia cổ tức năm 2024	47.680.288.500	
1	Số cổ phiếu chia cổ tức (CP)	36.677.145	

TT	Nội dung	Giá trị	Ghi chú
2	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	13%	
3	Giá trị chia cổ tức	47.680.288.500	
4	Hình thức trả cổ tức	Tiền mặt	7% đã chi tạm ứng tháng 12/2024, 6% sẽ thực hiện chi trả vào tháng 8/2025
V	Lợi nhuận để lại	21.184.740.833	(BOT 40 năm, trích BQ 5,775 tỷ/1 năm; 5 năm 28,8 tỷ)
	Giữ lại để thu hồi vốn góp dự án thủy điện HSS2 lũy kế đến 31/12/2024	21.184.740.833	Để đảm bảo tỷ lệ cổ tức 13% nên 7,7 tỷ giữ lại sẽ thực hiện trích bù khi cổ tức từ dự án HSS2 tăng thêm ở các năm sau.

II. Phương thức chi trả cổ tức:

- Tổng số tiền trả cổ tức : 47.680.288.500 đồng.
- Hình thức trả : Bằng tiền.
- Thời gian chi trả cổ tức: Đã thực hiện chi tạm ứng cổ tức 7% vào tháng 12/2024; 6% còn lại chi trả vào tháng 08/2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Lưu: VT, TH, Thư ký.

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trương Quang Minh

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và
kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI);

Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội v/v Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2025 với các nội dung như sau:

I. Quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024:

Năm 2024, EVNI đã hoàn thành kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao, lợi nhuận thực hiện đạt 110% kế hoạch điều chỉnh theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐQT ngày 26/9/2024 của HĐQT EVNI. Cụ thể như sau:

- | | | |
|---------------------------|-----------------|-------------------|
| - Tổng doanh thu: | 79,043 tỷ đồng | đạt 106% kế hoạch |
| - Nộp ngân sách nhà nước: | 1,089 tỷ đồng | |
| - Lợi nhuận: | 50,483 tỷ đồng, | đạt 110% kế hoạch |
| - Tỷ lệ cổ tức: | 13% | đạt 100% kế hoạch |

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 15 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH: “Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch”.

Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông quyết toán mức thù lao HĐQT và BKS năm 2024 như sau:

TT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đồng)	Số tháng	Thù lao KH năm 2024 (đồng)	Quyết toán thù lao năm 2024 (đồng)
1	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	3	4.743.000	12	170.748.000	204.912.000
2	Trưởng Ban Kiểm soát	1	4.743.000	12	56.916.000	68.304.000
3	Thành viên Ban Kiểm soát	2	3.794.000	12	91.056.000	109.272.000
	Tổng cộng:				318.720.000	382.488.000

(CT HĐQT chuyên trách, UV HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc không hưởng thù lao).


II. Kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025:

Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty năm 2025, kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2025 được xây dựng như sau:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đồng)	Số tháng	Thù lao năm 2025 (đồng)
1	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	3	5.382.000	12	193.752.000
2	Trưởng Ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	1	5.382.000	12	64.584.000
3	Kiểm soát viên (kiêm nhiệm)	2	4.306.000	12	103.344.000
	Tổng cộng	6			361.680.000

(CT HĐQT chuyên trách, Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc không hưởng thù lao HĐQT).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Lưu: VT, TH, Thư ký.

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trương Quang Minh

**TỜ TRÌNH
V/v phê duyệt kế hoạch năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

Để có cơ sở thực hiện yêu cầu nhiệm vụ công tác năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua kế hoạch năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Các chỉ tiêu SXKD và ĐTXD năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
1	Tổng doanh thu	62.346.374.000
1.1	Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty	14.346.374.000
1.2	Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2	48.000.000.000
2	Tổng chi phí	29.025.926.000
3	Lợi nhuận trước thuế	33.320.448.000
4	Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối cuối năm trước.	21.184.740.833
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	10%
6	Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm nay (giữ lại thu hồi vốn chủ dự án Thủy điện Hạ Sê San2 BOT 40 năm)	15.903.026.833

(Chi tiết theo Thuyết minh kế hoạch năm 2025 đính kèm)

2. Tổ chức thực hiện:

* Giao Ban điều hành làm việc và đề nghị Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2024 trong năm 2025.

* Ban điều hành quản lý hoạt động của Công ty theo nguyên tắc hiệu quả, đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại;

* Ban Điều hành Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác thích hợp để hợp tác phát triển, chuyển giao các dự án hoặc đề xuất phương án xử lý tài chính phù hợp với tình hình hiện tại của các dự án thủy điện: Hạ Sê San1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1;

* Đối với công tác tư vấn:

- Ban điều hành chủ động thực hiện:

+ Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;

+ Thực hiện công tác tuyển dụng thêm nhân sự phù hợp tình hình, tiến độ thực hiện các dự án tư vấn giám sát, đáp ứng nhu cầu công việc và sử dụng nhân sự hiệu quả;

+ Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ...;


+ Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch;

- Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng.

* Về kế hoạch SXKD hàng năm:

Ủy quyền HĐQT tạm phê duyệt kế hoạch SXKD hàng năm và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên hoặc ĐHĐCĐ gần nhất để thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét thông qua kế hoạch năm 2025 của Công ty.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TH, Thư ký.

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trương Quang Minh



EVN*INTERNATIONAL*

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH NĂM 2025

Đà Nẵng, tháng 04/2025

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH NĂM 2025

Phát huy kết quả đạt được trong năm 2024, với mục tiêu trọng tâm trong năm 2025 là theo dõi và quản lý các dự án đã đầu tư đảm bảo bảo toàn vốn của cổ đông; tìm kiếm việc làm đảm bảo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động Công ty. Công ty cổ phần EVN Quốc tế xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các mục tiêu cụ thể như sau:

1. Thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2), trong đó phối hợp với các Cổ đông khác, đơn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2024 theo kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch 5 năm giai đoạn 2023 – 2027 của HLSS2.

2. Thực hiện các giải pháp về chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư đối với các dự án thủy điện đầu tư dở dang tại Campuchia và Lào; và báo cáo đề xuất HĐQT/ĐHĐCĐ phương án chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, quyết toán và xử lý tài chính sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

3. Thực hiện công tác Tư vấn giám sát đảm bảo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động.

4. Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2025 nhằm tối ưu hóa chi phí.

5. Tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025.

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

1. Về công tác quản lý dự án:

1.1 Đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 2

- Thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào HLSS2 trên cơ sở pháp luật Campuchia, Hợp đồng cổ đông và theo nguyên tắc bảo toàn phần vốn đã góp.

- Quản lý, theo dõi chặt chẽ hoạt động của công ty, thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 vận hành an toàn, ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025.

- Phối hợp với các Cổ đông khác, đơn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2024 trong năm 2025.

- Hoàn thiện thủ tục xin giảm thuế cổ tức từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 từ 14% xuống 10% theo Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần giữa Việt Nam – Campuchia.

1.2 Đối với các dự án thủy điện như Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:

Thực hiện các giải pháp về chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư đối với các dự án thủy điện đầu tư dở dang tại Campuchia và Lào; và báo cáo đề xuất HĐQT/ĐHĐCĐ phương án chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, quyết toán và xử lý tài chính sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

2. Công tác Tư vấn giám sát:

- Tăng cường tìm kiếm thông tin thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia, làm việc với các đối tác để tham dự thầu các gói thầu phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty.

- Tăng cường tìm kiếm thêm các gói thầu dịch vụ Tư vấn giám sát để tham gia ở lĩnh vực mới (hạ tầng kỹ thuật các nhà máy điện, hạng mục truyền dẫn điện ngầm,...), đặc biệt là mở rộng tìm kiếm các gói thầu TVGS ở thị trường nước ngoài (Lào).

- Duy trì và từng bước nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đơn vị và các cá nhân tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn như:

- + Duy trì hiệu lực giấy phép hoạt động điện lực, chứng chỉ năng lực hoạt động đối với lĩnh vực Tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình;

- + Hoàn thiện, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động cho tổ chức: Chứng chỉ giám sát công trình công nghiệp hạng I.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đội ngũ chuyên gia Tư vấn.

- Bố trí nhân sự thực hiện công tác tư vấn hợp lý, khoa học và hiệu quả; tổ chức thực hiện dịch vụ Tư vấn chuyên nghiệp, bảo đảm các dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả.

- Phối hợp, đôn đốc các đơn vị thi công xây lắp thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán các gói thầu, để EVNI thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán chi phí Tư vấn kịp thời, đáp ứng quy định của hợp đồng và nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Tiếp tục mở rộng thị trường dịch vụ Tư vấn, đặc biệt là công tác Tư vấn cho các dự án nguồn điện.

- Hợp tác, liên danh với các đối tác có đủ năng lực, kinh nghiệm để từng bước nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho EVNI đối với lĩnh vực, ngành nghề mở rộng theo kế hoạch.

- Áp dụng có hiệu quả ứng dụng quản lý đầu tư xây dựng IMIS2.0 trong hoạt động cung cấp dịch vụ Tư vấn.

3. Công tác khác:

- Chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định, nghĩa vụ đối với Nhà nước, chuẩn mực kế toán, hạch toán đúng chế độ. Thu nộp ngân sách, bảo hiểm đầy đủ, đúng quy định.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD trong giai đoạn mới của Công ty.

- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2024.

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 cho các cổ đông theo phương án do ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2025 thông qua.

- Duy trì dịch vụ cho thuê đất, văn phòng, nhà để xe và tiếp tục khai thác tối ưu các khu vực công năng đủ điều kiện cho thuê của Trụ sở Công ty.

- Công tác an sinh xã hội: Quan tâm, tạo điều kiện thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

- Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn thực hiện tuyên truyền, vận động người lao động tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua tạo khí thế trong lao động sản xuất; bảo đảm đời sống, việc làm, thu nhập và thực hiện tốt các chế độ chính sách với người lao động.

- Thực hiện công tác chuyển đổi số đối với các lĩnh vực: Quản trị nội bộ; Đào tạo và truyền thông; phù hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của Công ty.

- Về mô hình tổ chức và chi phí hoạt động:

+ Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2025 nhằm tối ưu hóa chi phí;

+ Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả SXKD (Quản lý chi phí hoạt động chặt chẽ, thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí...), phấn đấu hoàn thành vượt các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ/HĐQT. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

+ Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

II. Giải pháp thực hiện:

1. Về công tác quản trị:

- Tiếp tục duy trì mô hình tổ chức với cơ cấu linh hoạt, gọn nhẹ với 03 Phòng chức năng với biên chế nhân sự hợp lý; phát triển ngày càng tốt hơn văn hóa doanh nghiệp; đẩy mạnh việc hình thành, phát triển mối quan hệ và tạo dựng niềm tin của các đối tác kinh doanh;

- Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo; nâng cao hiệu quả quản lý điều hành, thực hiện tốt quy chế dân chủ, xây dựng văn hóa doanh nghiệp;

- Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và nghiêm túc thực hiện các nội quy, quy chế của đơn vị;

- Nâng cao hiệu quả quản lý, cân đối tài chính phù hợp, bảo toàn và phát triển vốn, thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

- Tiếp tục rà soát, hệ thống hóa, sửa đổi, bổ sung theo hướng tinh gọn các quy chế quản lý nội bộ phù hợp quy định hiện hành của pháp luật;

- Thiết lập và thực hiện tốt mối liên hệ với các cổ đông; thực hiện công bố thông tin kịp thời, trung thực và đúng quy định.

2. Giải pháp về quản lý dự án:

*** Đối với dự án Hạ Sê San 2:**

+ Phối hợp có hiệu quả với các Cổ đông khác, đơn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2024 trong năm 2025;

+ Theo dõi tình hình SXKD của dự án, đơn đốc HLSS2 thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.

*** Đối với 3 dự án Hạ Sê San 1/5, Sê Kông và Nậm Mô 1:**

Hoạt động đầu tư thủy điện như Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1 được nhấn mạnh trên BCTC 2024 tại khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang”. Do đó, Công ty sẽ triển khai thực hiện đồng thời các giải pháp để khắc phục tồn tại này cụ thể:

- *Giải pháp để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2:*

Tăng cường và thường xuyên liên hệ với Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia/Lào, Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam hỗ trợ Công ty các thủ tục duy trì hiệu lực pháp lý của các dự án, giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC)/Lào (AVIL) để giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- *Về phương án xử lý tài chính:*

+ Phương án xử lý tài chính đã được nhóm Người đại diện phần vốn của EVNGENCO1 tại EVNI trình chủ sở hữu xin ý kiến chỉ đạo để làm cơ sở trình HĐQT xem xét thông qua trình ĐHĐCĐ.

+ Công ty sẽ trình HĐQT xem xét trình ĐHĐCĐ thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, quyết toán và xử lý tài chính các dự án sau khi có ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền với tiến độ dự kiến như sau:

DVT: 1.000.000 đồng.

TT	Tên dự án	Giá trị quyết toán	Giá trị xử lý tài chính hàng năm		
			Năm thứ n+1	Năm thứ n+2	Năm thứ n+3
1	Dự án Hạ Sê San 1/5	24.313,3			24.313,3
2	Dự án Sê Kông	8.755,9		8.755,9	
3	Dự án Nậm Mô 1	7.197,2	7.197,2		

Ghi chú: Tiến độ xử lý tài chính nêu trên được xây dựng theo trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương vào năm thứ n (dự kiến năm 2025).

3. Giải pháp về công tác Tư vấn:

- Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;
- Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ...;
- Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch.
- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm soát công tác Tư vấn để nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ Tư vấn;
- Làm việc với các Bộ ngành để hoàn thiện chứng chỉ năng lực hoạt động cho tổ chức: Chứng chỉ giám sát công trình công nghiệp hạng I.
- Nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho độ ngũ chuyên gia Tư vấn; tổ chức thực hiện dịch vụ Tư vấn chuyên nghiệp hóa, bảo đảm các dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả;
- Tiếp tục mở rộng thị trường dịch vụ Tư vấn, đặc biệt là công tác Tư vấn cho các dự án Năng lượng tái tạo.

4. Giải pháp về tài chính:

- Tăng cường thực hiện các giải pháp quản trị, kiểm soát chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Công tác tài chính: 100% thực hiện thanh toán E-Banking nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí;
- Công tác thanh quyết toán: Đối với các gói thầu đã hoàn thành, Công ty đã chủ động, tích cực phối hợp cùng các Chủ đầu tư hoàn thành công tác quyết toán giá trị khối lượng đã thực hiện, đáp ứng quy định của hợp đồng và nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn;
- Tăng cường công tác quản trị dòng tiền, cân đối vốn lưu động theo năm/tháng và theo dõi sát sao tình hình thực hiện; đảm bảo dòng tiền luôn tối ưu, hiệu quả và cân đối vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh; cân đối dòng tiền nhân rồi để gửi tiết kiệm có kỳ hạn và lãi suất phù hợp để nâng cao hiệu quả doanh thu từ hoạt động tài chính.

5. Giải pháp về ứng dụng KHCN và quản trị nguồn nhân lực:

- Áp dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý và sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn;
- Nâng cao công tác an toàn thông tin bằng cách triển khai trang bị các phần mềm ứng dụng có bản quyền nhằm giảm thiểu nguy cơ mất an toàn thông tin;
- Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, thực hiện

chính sách thu hút nhân tài;

- Thường xuyên xây dựng, cải tiến văn hóa doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ có tác phong công tác chuyên nghiệp và nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo dựng niềm tin đối với các đối tác, khách hàng.

6. Giải pháp công tác cho thuê văn phòng tại Trụ sở Công ty:

Tiếp tục tìm kiếm đối tác thuê văn phòng phù hợp để cho thuê, đảm bảo công suất cho thuê văn phòng có hiệu quả.

III. Kế hoạch doanh thu, chi phí và chi trả cổ tức năm 2025:

Bảng tổng hợp kế hoạch năm 2025:

TT	NỘI DUNG	Đơn vị/tỷ lệ	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2024	GHI CHÚ
A	Kế hoạch nguồn thu	đồng	62.346.374.000	79.043.018.366	
A.1	<i>Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty</i>	đồng	14.346.374.000	17.003.503.062	
I	Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính, cho thuê đất và văn phòng Công ty	đồng	4.100.000.000	7.037.967.378	
1	<i>Doanh thu từ hoạt động tài chính</i>	đồng	3.100.000.000	5.991.849.741	
2	<i>Doanh thu từ cho thuê đất và văn phòng của Công ty, khác</i>	đồng	1.000.000.000	1.046.117.637	
II	Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát...)	đồng	10.246.374.000	9.965.535.684	Phụ lục 1
A.2	<i>Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2</i>	đồng	48.000.000.000	62.039.515.304	
B	Kế hoạch chi phí hoạt động	đồng	29.025.926.000	28.560.012.973	
B.1	<i>Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty</i>	đồng	13.084.189.000	11.247.351.878	
1	<i>Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty</i>	đồng	12.569.189.000	10.886.992.846	
2	<i>Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê</i>	đồng	515.000.000	360.359.032	Phụ lục 2
B.2	<i>Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, Giám sát...)</i>	đồng	9.221.737.000	8.500.052.411	

TT	NỘI DUNG	Đơn vị/tỷ lệ	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2024	GHI CHÚ
B.3	<i>Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam</i>	<i>đồng</i>	<i>6.720.000.000</i>	<i>8.812.608.684</i>	
C	Kế hoạch lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế năm nay	đồng	33.320.448.000	50.483.005.393	
2	Lợi nhuận để lại chưa phân phối cuối năm trước	Đồng	21.184.740.833	21.344.178.886	
D	Kế hoạch chi trả cổ tức:				
1	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	13	
2	Lợi nhuận phân phối cho cổ đông	<i>đồng</i>	36.677.145.000	47.680.288.500	
3	Hình thức chi trả		Tiền mặt	Tiền mặt	
4	Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối (Giữ lại thu hồi vốn góp dự án TĐ Hạ Sê San 2 BOT)	<i>Đồng</i>	15.903.026.833	21.184.740.833	

1. Doanh thu:

Trên cơ sở kế hoạch các nội dung công việc năm 2024 được trình bày như trên, các nguồn thu chủ yếu của Công ty bao gồm: (i) Doanh thu từ cổ tức của dự án Thủy điện Hạ Sê San 2; (ii) Doanh thu từ hoạt động tài chính (gửi số vốn góp chưa sử dụng của cổ đông và lợi nhuận các năm vào các ngân hàng); (iii) Thu từ cho thuê văn phòng, nhà để xe, cho thuê đất; và (iv) Thu từ hoạt động tư vấn QLDA và Tư vấn giám sát. Tổng nguồn thu dự kiến, cụ thể như sau:

1.1. Doanh thu từ cổ tức của dự án thủy điện Hạ Sê San 2

Căn cứ số liệu kế hoạch năm 5 năm 2023-2027 của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2); Tình hình sản xuất phát điện năm 2024 đạt 89% KH 2024, năm 2024 sẽ chia cổ tức 20 triệu USD theo kế hoạch phân phối lợi nhuận 05 năm 2023-2027. Việc phân phối sẽ được HLSS2 trình cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025; Vì vậy, EVNI dự kiến cổ tức năm 2024 từ HLSS2 mà EVNI nhận được trong năm 2025 tương ứng là 2 triệu USD tương đương 48.000.000.000 đồng.

1.2. Doanh thu từ tiền gửi Ngân hàng:

Trên cơ sở số dư tiền gửi ngân hàng, dự kiến năm 2025 EVNI thu từ lãi tiền gửi đạt 3.100 triệu đồng thấp hơn 2.891 triệu đồng so với năm 2024. Nguyên nhân là do tổng giá trị tiền gửi có kỳ hạn đầu năm 2025 thấp hơn so với năm 2024 vì trong năm 2024 EVNI thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 tỉ lệ 10% và tạm ứng cổ tức 2024 đợt 1 với tỷ lệ 7%.

1.3. Doanh thu từ cho thuê văn phòng:

Tổng doanh thu từ việc cho thuê văn phòng, thuê mặt bằng năm 2025 dự kiến đạt 1.000 triệu đồng, giá trị tương đương với thực hiện năm 2024. Nguyên nhân: năm 2025, Công ty dự kiến tiếp tục cho thuê quy mô các văn phòng như năm 2024.

1.4. Doanh thu từ hoạt động tư vấn:

Với các hợp đồng TVGS đã ký năm 2024; dự kiến sẽ ký trong năm 2025, tổng doanh thu kế hoạch từ dịch vụ tư vấn năm 2025 đạt 10.246 triệu đồng cao hơn 280 triệu đồng so với thực hiện năm 2024. Doanh thu dịch vụ TVGS bao gồm:

+ Doanh thu từ các hợp đồng TVGS chuyển tiếp tiếp từ các năm trước: 8.573 triệu đồng

+ Dự kiến doanh thu kế hoạch đấu thầu mới các hợp đồng TVGS năm 2025: 1.673 triệu đồng.

2. Chi phí hoạt động:

Trên cơ sở kế hoạch triển khai các dự án, phạm vi hoạt động, địa bàn công tác, quy mô nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý, cân đối chi phí thực hiện qua các năm 2018-2024, Công ty lập dự toán chi phí hoạt động, quản lý dự án và chi phí phục vụ Tư vấn các gói thầu trong năm 2025.

Tổng chi phí hoạt động năm 2025: 29.052 triệu đồng, cụ thể:

2.1. Chi phí hoạt động, quản lý dự án:

Tổng chi phí hoạt động, quản lý dự án năm 2025 là 13.084 triệu đồng tăng 1.836 triệu đồng so với thực hiện năm 2024. Trong đó:

2.1.1. Chi phí khấu hao Tài sản cố định năm 2025 là 515 triệu đồng tăng 154 triệu đồng so với năm 2024.

Nguyên nhân: Công ty có mua thêm tài sản cố định là ô tô cuối năm 2024.

2.1.2. Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA năm 2024 là 12.569 triệu đồng tăng 1.682 triệu so với thực hiện năm 2024, trong đó:

+ Thù lao HĐQT, BKS năm 2025: 362 triệu đồng, giảm 20 triệu đồng so với thực hiện năm 2024.

Nguyên nhân:

Công ty dự kiến mức thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2025 trên cơ sở đảm bảo cân đối hợp lý với tiền lương của người quản lý chuyên trách tương ứng và quy định tại Điều 16 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.

+ Lương và các khoản phải trích theo lương của Ban điều hành và người lao động năm 2025: 5.309 triệu đồng, giảm 92 triệu đồng, trong đó phần tiền lương giảm 339 triệu đồng so với thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Ban điều hành: 1.361 triệu đồng, giảm 78 triệu đồng so với thực hiện năm 2024;

- Người lao động: 2.937 triệu đồng, giảm 260 triệu đồng so với thực hiện năm 2024.

Nguyên nhân:

- Lợi nhuận kế hoạch đạt dưới 50 tỷ đồng, giảm 18% so với thực hiện năm 2023; mức tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách được xác định căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 73 Quyết định 135/QĐ-HĐTV ngày 31/10/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam..
 - Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động được tính bằng mức tiền lương bình quân trong hợp đồng lao động, áp dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.
- + Chi phí hoạt động khác là 6.898 triệu đồng tăng 1.795 triệu đồng so với năm 2024.

Nguyên nhân:

Do phát sinh tăng chi phí trang bị bổ sung thiết bị công tác và chi phí khác cho HĐQT, BKS (226 triệu đồng), phát sinh tăng chi phí thuê đơn vị tư vấn thực hiện thủ tục giảm thuế nhà thầu đối với cổ tức tại Hạ Sê San 2 và chi phí dịch thuật các văn bản công bố thông tin sang tiếng Anh theo quy định (170 triệu đồng); chi phí nhiên liệu, sửa chữa bảo dưỡng cho xe ô tô Ford mua mới tháng 11/2024 và 2 ô tô Camry và Landcruiser (268 triệu đồng) và chi phí sửa chữa chống thấm nhà làm việc công ty (480 triệu đồng) chi phí phân bổ các công cụ dụng mua năm 2024 và các năm trước phân bổ năm 2025 tăng 185 triệu đồng,....

2.2. Chi phí hoạt động dịch vụ tư vấn:

Nhằm duy trì hoạt động, đảm bảo công ăn việc làm và tăng thu nhập của CBNV, năm 2025 EVNI tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn giám sát các công trình lưới điện truyền tải đảm bảo các hợp đồng TVGS đạt tỷ lệ bình quân lợi nhuận/doanh thu là 10% (năm 2024: 15%). Tổng chi phí cho hoạt động TVGS là 9.221 triệu đồng.

Nguyên nhân:

Năm 2025 Công ty thực hiện TVGS thuần là các công trình đường dây và trạm biến áp, lĩnh vực có nhiều đơn vị TVGS khác cùng tham gia với giá cả cạnh tranh. Thời gian hoàn thành các công trình lưới điện truyền tải hiện nay thường xuyên bị kéo dài do dự án gặp nhiều vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, các nhà thầu xây lắp gặp nhiều khó khăn về giá cả, chi phí đầu vào tăng cao, dẫn đến chi phí TVGS tăng nhưng giá trị hợp đồng trọn gói không thay đổi, số lượng dự án hoàn thành quyết toán trong năm cũng giảm theo.

Trong quá trình thực hiện, Công ty kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo tỷ lệ lợi nhuận đạt hoặc vượt kế hoạch, đời sống và thu nhập của CBNV được cải thiện. Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tương ứng.

2.3 Chi phí chuyển tiền cổ tức dự án thủy điện Hạ Sê San 2 từ Cam Pu chia về Việt Nam: 6.720 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ 14% trên phần cổ tức dự án Hạ Sê San 2 năm 2025.

3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

3.1 Lợi nhuận kế hoạch 2025:

Căn cứ vào kế hoạch thực hiện doanh thu và chi phí kế hoạch năm 2025, lợi nhuận kế hoạch năm 2025 như sau:

+ Doanh thu:	62.346 triệu đồng
o <i>Doanh thu từ hoạt động tài chính, cho thuê VP...</i> :	<i>4.100 triệu đồng</i>
o <i>Doanh thu từ hoạt động TVGS:</i>	<i>10.246 triệu đồng</i>
o <i>Doanh thu từ dự án TĐ Hạ Sê San 2:</i>	<i>48.000 triệu đồng</i>
+ Chi phí:	29.025 triệu đồng
+ Lợi nhuận trước thuế:	33.320 triệu đồng

3.2 Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

Kế hoạch phân phối Lợi nhuận của Công ty năm 2025 gồm các mục sau:

- o Trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động; quỹ khen thưởng người quản lý;
- o Giữ lại để thu hồi vốn góp dự án thủy điện Hạ Sê San 2;
- o Phân phối cổ tức cho cổ đông.

3.2.1 Kế hoạch trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động; quỹ khen thưởng người quản lý năm 2025:

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận, quỹ lương 2025 và thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 18 của thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016, các quỹ được trích dự kiến như sau:

- o Quỹ khen thưởng của người lao động: 770 triệu đồng
- o Quỹ phúc lợi của người lao động: 770 triệu đồng
- o Quỹ khen thưởng người quản lý: 383 triệu đồng

3.2.2 Giá trị thu hồi khoản đầu tư dự án thủy điện Hạ Sê San 2:

Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 là dự án vận hành thương mại theo hợp đồng BOT với thời gian 40 năm kể từ ngày phát điện thương mại (tháng 12/2018) và sau đó chuyển giao lại hoàn toàn cho nhà nước Vương quốc Campuchia, **không có giá trị thu hồi.**

Hiện tại, EVNI đang ghi nhận khoản đầu tư (231,146 tỷ đồng) của dự án thủy điện Hạ Sê San 2 là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Theo quy định của luật kế toán thì khoản đầu tư sẽ không trích chi phí khấu hao hàng năm. Vì vậy, để không làm ảnh hưởng đến tình hình cân bằng tài chính của Công ty vào năm dự án chuyển giao theo hợp đồng BOT, đảm bảo tính ổn định lâu dài của EVNI; hàng năm EVNI sẽ giữ lại Lợi nhuận sau thuế để bù đắp cho khoản thu hồi giá trị vốn góp vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

EVNI đã thực hiện giữ lại Lợi nhuận sau thuế hàng năm để thu hồi giá trị vốn góp vào dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 từ năm 2020, trong vòng 40 năm với giá trị giữ lại trung bình hàng năm là 5,78 tỷ đồng. Qua đó, đến thời điểm chuyển giao dự án

theo hợp đồng BOT thì toàn bộ vốn góp của EVNI vào dự án được thu hồi, đáp ứng yêu cầu bảo toàn vốn chủ sở hữu đã góp theo quy định.

Giá trị giữ lại để thu hồi vốn chủ Hạ Sê San 2 đầu năm 2025 là 21,1 tỷ đồng. Để đảm bảo quyền lợi cổ đông và mức cổ tức 13%, tạm không trích giữ lại thu hồi giá trị vốn góp dự án thủy điện Hạ Sê San 2 trong năm 2025. Việc trích bổ sung thực hiện tăng thêm khi cổ tức từ Dự án Hạ Sê San 2 tăng sau khi dự án hoàn thành trả nợ để đảm bảo thu hồi vốn sau thời gian BOT 40 năm. Giá trị giữ lại để thu hồi vốn chủ dự án Hạ Sê San 2 đến cuối năm 2025 dự kiến là 15,9 tỷ đồng.

3.2.3 Kế hoạch phân phối cổ tức cho cổ đông:

Lợi nhuận sau khi phân phối cho các quỹ (quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động; quỹ khen thưởng người quản lý) và giữ lại để bù đắp phần thu hồi khoản đầu tư góp vốn dự án thủy điện Hạ Sê San 2, sẽ được phân phối hết cho cổ đông như sau:

Tỷ lệ chi trả cổ tức:	10%
Giá trị chi trả cổ tức:	36.677.145.000 đồng
Hình thức chi trả cổ tức:	Tiền mặt
Thời gian chi trả:	Sau ĐHCĐ Năm 2026

PHỤ LỤC 1 - BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NGUỒN THU DỊCH VỤ TVGS NĂM 2025

DVT: Đồng

STT	Dự án	Giá trị Hợp đồng (trước thuế)	Giá trị Hợp đồng (sau thuế)	Tỷ lệ còn lại chưa NT	Giá trị HĐ còn lại 31/12/2024	Tỷ lệ NT năm 2024	Giá trị NT năm 2025
I	Các hợp đồng chuyển tiếp từ năm trước	24.162.400.000	26.578.640.000		14.173.465.001		8.573.373.909
1	Đường dây 220kV Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Phước An)	675.272.727	742.800.000	55%	371.400.000	55%	371.400.000
2	Nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Pleiku 2	1.458.681.818	1.604.550.000	50%	729.340.909	30%	437.604.545
3	Trạm biến áp 220kV Vũng Áng và đấu nối	1.761.454.545	1.937.600.000	62%	1.092.101.818	27%	475.592.727
4	Đường dây 220kV Thạnh Mỹ - Duy Xuyên	2.676.581.818	2.944.240.000	80%	2.141.265.455	32%	856.506.182
5	Trạm biến áp 500kV Bình Dương 1	3.698.181.818	4.068.000.000	68%	2.514.763.636	50%	1.849.090.909
6	TBA 220kV An Khê và đấu nối	2.178.181.818	2.396.000.000	21%	457.418.182	20%	435.636.364
7	Đường dây 220kV Tương Dương - Đô Lương	1.822.500.000	2.004.750.000	59%	1.075.275.000	25%	455.625.000
9	Nâng cấp hệ thống máy tính trạm biến áp 220kV Trảng Bách để đảm bảo đưa trạm biến áp vào thao tác xa	372.727.273	410.000.000	100%	372.727.273	80%	298.181.818
10	Lắp máy biến áp thứ 2 TBA 220kV Phước An	627.272.727	690.000.000	100%	627.272.727	100%	627.272.727

STT	Dự án	Giá trị Hợp đồng (trước thuế)	Giá trị Hợp đồng (sau thuế)	Tỷ lệ còn lại chưa NT	Giá trị HĐ còn lại 31/12/2024	Tỷ lệ NT năm 2024	Giá trị NT năm 2025
11	Nâng cấp hệ thống máy tính trạm biến áp 220kV Vật Cách để đảm bảo đưa trạm biến áp vào thao tác xa	354.545.455	390.000.000	100%	354.545.455	80%	283.636.364
12	ĐZ 500kV Quỳnh Lưu - Thanh Hoá	4.585.909.091	5.044.500.000	30%	1.375.772.727	30%	1.375.772.727
13	TVGS TCXDCT (phần thuộc phạm vi các gói thầu tự thực hiện và công tác tháo dỡ, đóng gói MBA), dự án TBA 500kV Thanh Hoá	898.000.000	987.800.000	30%	269.400.000	30%	269.400.000
14	NCS MBA 220kV-125MVA trạm biến áp 500kV Hà Tĩnh lên 250MVA	337.636.364	371.400.000	100%	337.636.364	30%	101.290.909
15	TBA 220kV Chân Mây và đầu nối	2.454.545.455	2.700.000.000	100%	2.454.545.455	30%	736.363.637
II	Kế hoạch đấu thầu mới năm 2025	3.346.000.000	3.680.600.000	100	3.346.000.000	50%	1.673.000.000
	Tổng cộng	27.508.400.000	30.259.240.000		17.519.465.001		10.246.374.000

PHỤ LỤC 2 - CHI PHÍ KHẤU HAO CƠ BẢN

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THÀNH TIỀN (đồng)	GHI CHÚ
1	Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê	315.000.000	
2	Chi phí khấu hao xe ô tô	200.000.000	
	TỔNG CỘNG	515.000.000	

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)

**KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC; KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN NĂM 2024,
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP EVN Quốc Tế

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI/Công ty) và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;

Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về tình hình hoạt động, kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ EVNI

- EVNI hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam, thực hiện đầu tư các dự án năng lượng tại nước ngoài là Campuchia và Lào. Đối với mỗi dự án, EVNI tham gia góp vốn cùng các đối tác trong và ngoài nước, trực tiếp thực hiện đầu tư và điều hành dự án.

- Cổ phiếu của EVNI đang được giao dịch trên sàn giao dịch Upcom (Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội), mã chứng khoán là EIC.

- Thành phần Ban Kiểm soát¹:

STT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị công tác
1	Đỗ Quang Minh	Trưởng Ban	Tổng công ty Phát điện 1
2	Vũ Hương Trà	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP An Bình
3	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS	Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại

- Tổng số CBNV Công ty đến 31/12/2024 là 32 người (tương đương năm 2023). Thu nhập bình quân năm 2024 đạt 16,66 triệu đồng/tháng.

¹ 03 thành viên Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm, không có thành viên chuyên trách

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA BKS

1. Đánh giá chung:

BKS đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị (HĐQT), TGD và đảm bảo nguyên tắc độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, trong công tác kiểm tra, giám sát và trong việc quản lý vốn chủ sở hữu.

HĐQT, TGD phối hợp, hỗ trợ BKS thực hiện nhiệm vụ, mời BKS tham gia các cuộc họp HĐQT, các cuộc họp giao ban sản xuất định kỳ hàng tháng; cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của EVNI.

BKS đã thông báo cho HĐQT, TGD về kế hoạch kiểm soát năm 2024, các đợt kiểm soát để phối hợp. Kết quả của từng đợt kiểm soát được gửi tới HĐQT và TGD.

Năm 2024, BKS đã thực hiện đầy đủ Kế hoạch công tác với tinh thần làm việc trung thực, cẩn trọng, khách quan, vì lợi ích của EVNI và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS.

Ngoài các đợt làm việc của Ban kiểm soát theo định kỳ, BKS đã tham gia các cuộc họp của HĐQT, xem xét tài liệu, đóng góp ý kiến vào các vấn đề HĐQT đưa ra bàn bạc.

2. Kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của EVNI năm 2024

Theo kế hoạch hoạt động năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 đợt kiểm soát trực tiếp và đã đưa ra một số khuyến nghị sau:

- Thống nhất với ý kiến nhấn mạnh của Kiểm toán AAC đối với BCTC bán niên và cả năm 2024.
- Đề nghị Công ty tiếp tục làm việc, đôn đốc khách hàng để có kế hoạch, phương án thu hồi các khoản nợ quá hạn (bao gồm cả các khoản nợ quá hạn đã trích lập dự phòng).

3. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và các kiểm soát viên:

Trong kỳ báo cáo BKS đã thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, một số kết quả cụ thể như sau:

- Hoàn thành kế hoạch kiểm soát năm 2024.
- Hoàn thành các báo cáo theo quy định: (i) Báo cáo thẩm tra BCTC bán niên và cả năm 2024; (ii) Báo cáo trình ĐHCĐ tại kỳ đại hội thường niên năm 2025.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT.
- BKS thường xuyên theo dõi, giám sát và cập nhật kịp thời danh sách cổ động lớn đồng thời rà soát giám sát việc ký kết các hợp đồng với người có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.
- Các thành viên BKS đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, cùng tham gia thảo luận và biểu quyết thống nhất, thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS. Thống kê chương trình làm việc của BKS:

TT	Kiểm soát viên	Số chương trình kiểm soát tham gia	Tỷ lệ tham dự
1	Đỗ Quang Minh	02/02	100%
2	Vũ Hương Trà	02/02	100%

TT	Kiểm soát viên	Số chương trình kiểm soát tham gia	Tỷ lệ tham dự
3	Nguyễn Thị Huyền	02/02	100%

4. Phối hợp giữa BKS với HĐQT và Ban điều hành

BKS đã có sự phối hợp tốt với HĐQT và Ban Điều hành, cụ thể như sau:

- BKS đã được: (i) Mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT, họp kết luận kiểm toán BCTC năm 2024; (ii) Được tham gia ý kiến về tất cả các vấn đề liên quan đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành.

- BKS nhận được các tài liệu, thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty (về quyền được cung cấp thông tin của BKS): Các Phiếu lấy ý kiến, tờ trình HĐQT, các Biên bản họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty, các báo cáo/thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty đều được cung cấp cho BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với HĐQT.

5. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, với các thủ tục có liên quan đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của UBCK Nhà nước và các quy định tại Điều lệ Công ty, quy định về quản trị Doanh nghiệp.

- Năm 2024, HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT; ban hành 20 Nghị quyết và 23 Quyết định để TGD và các thành viên Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2024.

- Các cuộc họp HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Các phiên họp HĐQT đều mời BKS tham dự. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các Thành viên HĐQT, BKS dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung cuộc họp được các Thành viên HĐQT trao đổi, thảo luận, bàn bạc công khai, dân chủ, thẳng thắn và đánh giá đầy đủ, cân trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

- Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua. Biên bản các cuộc họp HĐQT đã được lập đầy đủ, có chữ ký của các Thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định pháp luật

- Các thành viên HĐQT, BKS được thông tin đầy đủ thông qua văn bản, email hoặc điện thoại, kịp thời các hoạt động của Công ty.

- HĐQT đã điều hành linh hoạt, bám sát các hoạt động của Ban điều hành, cụ thể hoá triển khai có hiệu quả theo nội dung các nghị quyết đảm bảo lợi ích của Công ty và của các cổ đông. Trong năm 2023, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

+ Thông qua sửa đổi, bổ sung các quy chế về chi tiêu nội bộ, công tác đấu thầu, công bố thông tin.

+ Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2024; Tạm phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2025.

+ Chi trả cổ tức cho cổ đông.

+ Hoàn thành mua sắm xe ô tô phục vụ SXKD của công ty

6. Kết quả giám sát hoạt động của TGD:

TGD đã phối hợp với Ban điều hành Công ty đề ra những mục tiêu và các giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2024 đảm bảo hoạt động kinh doanh, tư vấn giám sát an toàn và kinh tế trên nguyên tắc bảo toàn và hiệu quả, cụ thể:

6.1. Công tác quản lý dự án:

- Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2): Năm 2024, HLSS2 đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận cho EVNI từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2023 với giá trị là 2,5 triệu USD (Sau khi trừ thuế phí, giá trị thực nhận là 2,15 triệu USD – tương đương 53,226 tỷ đồng). Đến nay, tổng giá trị cổ tức EVNI nhận được từ dự án lũy kế đến 31/12/2024 là 17,458 triệu USD tương đương 409,124 tỷ đồng (đạt 177% giá trị vốn EVNI đã đầu tư vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2).

- Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Se San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1: Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2.

6.2. Công tác tư vấn giám sát:

Năm 2024, EVNI thực hiện 22 hợp đồng (18 hợp đồng chuyển tiếp từ các năm trước và 04 hợp đồng ký mới) với giá trị 17,3 tỷ đồng, kết quả đến 31/12/2023:

Đã hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thanh toán/quyết toán 18 gói thầu (bao gồm đã hoàn thành và đang thực hiện dở dang), với giá trị đã nghiệm thu thanh toán là 9,97 tỷ đồng (giá trị trước thuế) đạt 98% kế hoạch năm 2024.

6.3. Công tác tài chính:

- Công tác lập, kiểm toán và công bố các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm được thực hiện theo đúng quy định.

- Công ty quản lý và cân đối dòng tiền đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chi trả cổ tức cho các cổ đông.

- Công ty tích cực làm việc, đôn đốc các Chủ đầu tư thanh toán công nợ và đã thu hồi (bao gồm khoản tạm ứng) được 10,93 tỷ đồng. Đến 31/12/2024, Số dư công nợ phải thu là 6,2 tỷ đồng (trong đó số công nợ giữ lại 5% theo Hợp đồng là 1,3 tỷ đồng).

6.4. Kết quả thực hiện các kiến nghị của BKS: TGD và Ban điều hành đã nghiêm túc tiếp thu và triển khai thực hiện các kiến nghị.

6.5. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Hoạt động năm 2024 trên cơ sở kế hoạch doanh thu, chi phí đã được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT điều chỉnh căn cứ vào kết quả chi cổ tức bằng tiền từ HLSS2, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại, các chỉ tiêu kế hoạch và kế hoạch điều chỉnh năm 2024. Một số kết quả chính: (i) Tổng doanh thu: 79,043 tỷ đồng (đạt 106% kế hoạch); Nộp ngân sách nhà nước: 1,089 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế: 50,48 tỷ đồng (đạt 110% kế hoạch); Tỷ lệ cổ tức: 13%.

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch điều chỉnh năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH 2024/ KH 2024 ĐC
A	Kế hoạch nguồn thu	62.527.541.000	74.527.541.000	79.043.018.366	106%
A.1	<i>Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty</i>	14.527.541.000	14.527.541.000	17.003.503.062	117%
I	Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính, cho thuê đất và văn phòng Công ty	4.265.000.000	4.265.000.000	7.037.967.378	
1	<i>Doanh thu từ hoạt động tài chính</i>	3.365.000.000	3.365.000.000	5.991.849.741	
2	<i>Doanh thu từ cho thuê đất và văn phòng của Công ty, khác</i>	900.000.000	900.000.000	1.046.117.637	
II	Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát...)	10.262.541.000	10.262.541.000	9.965.535.684	
A.2	<i>Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2</i>	48.000.000.000	60.000.000.000	62.039.515.304	103%
B	Kế hoạch chi phí hoạt động	27.152.566.000	28.832.566.000	28.560.012.973	99%
B.1	<i>Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty</i>	11.709.566.000	11.709.566.000	11.247.351.878	96%
1	<i>Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty</i>	11.269.566.000	11.269.566.000	10.886.992.846	
2	<i>Chi phí khấu hao TSCĐ, nhà làm việc/văn phòng cho thuê</i>	440.000.000	440.000.000	360.359.032	
B.2	<i>Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, Giám sát...)</i>	8.723.000.000	8.723.000.000	8.500.052.411	97%
B.3	<i>Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam</i>	6.720.000.000	8.400.000.000	8.812.608.684	105%
C	Kế hoạch lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế	35.374.975.000	45.694.975.000	50.483.005.393	110%
2	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	10	13	13	
3	Lợi nhuận phân phối cho cổ đông	36.677.145.000	47.680.288.500	47.680.288.500	100%

III. THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 SAU KIỂM TOÁN

1. Đánh giá chung:

BKS thống nhất với các ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC) tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 142/2025/BCTC-AAC ngày 26/02/2025 về báo cáo tài chính năm 2024 tại EVNI:

Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Vấn đề nhấn mạnh (*Ý kiến của Kiểm toán độc lập không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này*):

Biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi (MoU) của dự án thủy điện Hạ Sê san1/ Sê San 5, thủy điện Sekong tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không tiếp tục được gia hạn/đã hết hiệu lực. Tổng giá trị đầu tư thực tế của các dự án trên tính đến thời điểm 31/12/2024 là 40.266.466.962 đồng hiện phản ánh tại khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” (Trong đó: Dự án thủy điện Hạ Sê san 1/Sê San 5 là 24.313.325.211 đồng; Dự án thủy điện Sekong là 8.755.911.108 đồng; Dự án thủy điện Nậm Mô 1 là 7.197.230.643 đồng). Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro tổn thất đối với các chi phí đầu tư của 03 dự án nêu trên là không chắc chắn; Công ty có khả năng tìm được đối tác thích hợp để hợp tác, chuyển giao các dự án và thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, thu hồi các chi phí đã đầu tư, thu được hiệu quả kinh tế.

- Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Không có

2. Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính:

TT	Chỉ tiêu	12/31/2024	1/1/2024	Chênh lệch	
				+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(5)/(4)*100%
1	Tài sản ngắn hạn	106.803.473.620	120.776.957.167	-13.973.483.547	-11,57%
2	Tài sản dài hạn	316.987.734.620	316.382.141.016	605.593.604	0,19%
3	Nợ phải trả	32.875.212.407	10.291.602.244	22.583.610.163	219,44%
4	Vốn chủ sở hữu	390.915.995.833	426.867.495.939	-35.951.500.106	-8,42%
5	Tổng tài sản/Nguồn vốn	423.791.208.240	437.159.098.183	-13.367.889.943	-3,06%

Tổng tài sản/Nguồn vốn của EVNI tại thời điểm 31/12/2024 là 423,791 tỷ đồng, giảm 13,367 tỷ đồng (tương ứng giảm 3,06%) so với 01/01/2024, xuất phát từ:

+ Tài sản ngắn hạn giảm 13,973 tỷ đồng (tương ứng giảm 11,57%), vốn chủ sở hữu giảm 35,951 tỷ đồng (tương ứng giảm 8,42%): Chủ yếu do EVNI chi trả cổ tức 61,128 tỷ đồng (tương ứng với tỷ lệ chia cổ tức năm 2023 là 10%/CP và tạm ứng cổ tức năm 2024 là 13%/CP) nhưng cổ tức nhận bằng tiền từ HLSS2 chỉ đạt 53,226 tỷ đồng (tương ứng 2,15 triệu USD, thực nhận từ khoản 2,5 triệu USD trừ thuế phí).

+ Tài sản dài hạn tăng 0,605 tỷ đồng (tương ứng tăng 0,19%): Do công ty mua mới xe ô tô làm tăng nguyên giá TSCĐ là 1,559 tỉ đồng và phân bổ khấu hao tài sản cố

định, chi phí trả trước dài hạn (chi phí sửa chữa trụ sở làm việc phát sinh từ năm 2022) trong năm làm giảm tài sản dài hạn 0,95 tỉ đồng.

+ Nợ phải trả tăng 22,583 tỷ đồng (tương ứng tăng 219,44%): Chủ yếu do EVNI thực hiện tạm chi trả cổ tức năm 2024.

+ Vốn chủ sở hữu giảm 35,951 tỷ đồng (tương ứng giảm 8,42 tỷ đồng): Do LNST chưa phân phối giảm, EVNI thực hiện chi trả hết cổ tức năm 2023 và tạm chi trả cổ tức năm 2024.

2. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

TT	Khoản mục chi phí	Thành tiền (đồng)
1	Năm trước chuyển sang	748.518.806
2	Phát sinh phải nộp trong kỳ	810.454.698
3	Số đã nộp trong kỳ	1.089.982.342
4	Số còn phải nộp cuối kỳ	483.865.320

3. Hệ số phân tích tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐV	Năm 2024	Năm 2023	Tăng/giảm
1	Cơ cấu tài sản				
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	74,798	72,372	2,426
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	25,202	27,628	-2,426
2	Cơ cấu nguồn vốn				
	- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	92,243	97,646	-5,403
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,084	0,024	0,06
3	Khả năng thanh toán				
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,161	11,561	-8,4
	- Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	3,253	11,751	-8,498
	- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	12,891	42,477	-29,586
4	Hiệu quả				
	- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bq ROA:	%	11,727	9,144	2,583
	- Tỷ suất LNST/Doanh thu ROS	%	63,865	64,705	-0,84
	- Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq (ROE)	%	12,346	8,55	3,796
	- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	1.376	1.105	271

Các chỉ tiêu về tài chính năm 2024 của EVNI giảm so với năm 2023 chủ yếu do Do LNST chưa phân phối giảm, EVNI thực hiện chi trả hết cổ tức năm 2023 và tạm chi trả cổ tức năm 2024.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2023 VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN DOANH NGHIỆP:

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024:

TT	Nội dung	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Ghi chú
1	Phân phối lợi nhuận năm 2023	X		
2	Chi trả cổ tức 2023	X		
3	Chi trả thù lao HĐQT, BKS 2023	X		

Trong đó chi tiết việc thực hiện theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/5/2024 (NQ01) như sau:

TT	Nội dung	NQ01	Thực hiện	Đánh giá/Ghi chú
1	Thù lao HĐQT và BKS 2023	491.136.000	491.136.000	Hoàn thành
2	Thù lao HĐQT và BKS 2024	318.720.000	382.488.000	Chờ quyết toán
3	Tiền thưởng Ban điều hành	312.294.625	271.392.000	Hoàn thành, số dư quỹ còn lại chi các năm sau
4	Chi trả cổ tức 2023	36.677.145.000	36.070.364.800	Một số cổ đông thể nhân chưa gửi hồ sơ thanh toán
5	Phân phối lợi nhuận các quỹ 2023	1.762.427.428	1.754.244.880	Hoàn thành, số dư quỹ còn lại chi các năm sau

2. Công bố thông tin doanh nghiệp: EVNI đã thực hiện công bố thông tin đúng quy định của UBCKNN.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA BKS

Căn cứ kế hoạch năm 2025, BKS tiếp tục thực hiện vai trò kiểm soát theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của BKS, bao gồm những nội dung chính:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty.
- Giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành của HĐQT, TGD.
- Giám sát kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.
- Giám sát hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- Cập nhật chính sách, chế độ mới nhằm kiến nghị sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu rủi ro trong điều hành, quản lý hoạt động của Công ty.

(Kế hoạch hoạt động năm 2025 sẽ được BKS xây dựng chi tiết sau)

VI. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở giám sát hoạt động kinh doanh, công tác quản trị, điều hành của HĐQT, TGD và số liệu báo cáo tài chính, BKS kiến nghị Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

- Thông qua Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của EVNI; kết quả hoạt động của HĐQT, TGD; Kết quả hoạt động năm 2024, phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của BKS.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- TGD;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đỗ Quang Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ**

Số: 01/TTr-EVNI-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (Ban hành năm 2021);

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) năm 2025 như sau:

1. Về tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

Căn cứ vào ngành nghề kinh doanh, nhu cầu kiểm toán và thông lệ thực hiện kiểm toán các năm qua tại EVNI, Ban kiểm soát đề xuất HĐQT các tiêu chí để lựa chọn công ty kiểm toán độc lập như sau:

- Là công ty kiểm toán độc lập có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Bộ tài chính chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết năm 2025;

- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng Việt Nam;

- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;

- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do EVNI yêu cầu.

2. Đề xuất của Ban kiểm soát:

Từ các căn cứ và đề xuất nêu trên, Ban Kiểm soát kính trình HĐQT thường niên năm 2025 xem xét:

- Thông qua tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập nêu tại Mục 1 ở trên và danh sách 05 đơn vị kiểm toán độc lập đáp ứng các tiêu chí, gồm có:

- + Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
- + Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
- + Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
- + Công ty TNHH KPMG (KPMG)
- + Công ty TNHH PWC (Việt Nam)
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định hình thức lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2025 của EVNI.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS.

**T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đỗ Quang Minh